

LỊCH BAY

Từ 26/03/2017 đến 28/10/2017

www.vietnamairlines.com





LIÊN HỆ

Tổng đài chăm sóc khách hàng: (84) 19001100

- Đặt chỗ và cung cấp thông tin về sản phẩm, dịch vụ
- Trợ giúp khách mua vé trực tuyến
- Dịch vụ đặc biệt và thông tin phản hồi

Giờ hoạt động:

- Từ 7:00 đến 19:00 (thứ 2 – thứ 6)
- Từ 8:00 đến 17:00 (thứ 7, Chủ nhật và Ngày lễ)

Tổng đài chăm sóc Hội viên Bông sen vàng: (84) 19001800

Giờ hoạt động: Từ 8:00 đến 12:00 và 13:00 đến 17:00 (thứ 2 – thứ 6)

Địa chỉ liên hệ văn phòng giao dịch, số hotline tại từng khu vực: chi tiết tại website

www.vietnamairlines.com

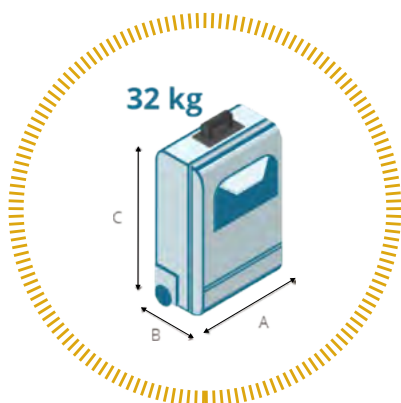
Liên hệ với chúng tôi trên Facebook:

 <https://www.facebook.com/VietnamAirlines>



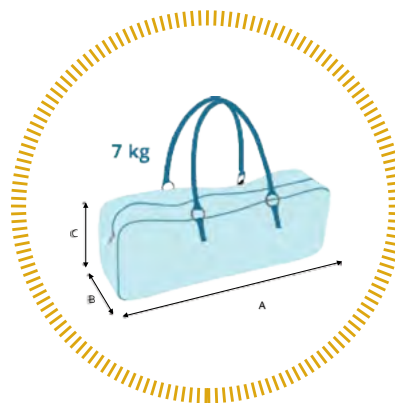
TRANG THÔNG TIN HÀNH LÝ

Hành lý ký gửi



Kích thước:
(dài, rộng, cao)
 $(A) + (B) + (C) < 203 \text{ cm}$
Trọng lượng không quá 32 kg

Hành lý xách tay



Tổng kích thước
(dài, rộng, cao)
không được vượt quá 115cm
(56 cm x 36 cm x 23 cm
hay 22" x 11" x 9")
Trọng lượng không quá 07 kg

TIÊU CHUẨN HÀNH LÝ MIỄN CƯỚC TRÊN CÁC ĐƯỜNG BAY NỘI ĐỊA

Khi đi trên chuyến bay của Vietnam Airlines, hành khách được hưởng tiêu chuẩn hành lý miễn cước ít nhất như sau:

HẠNG GHẾ

Hạng thương gia /
Phổ thông đặc biệt



30 kg hành lý ký gửi + 02
kiện hành lý xách tay

HẠNG GHẾ

Hạng phổ thông



20 kg hành lý ký gửi + 01
kiện hành lý xách tay



TIÊU CHUẨN VỀ HÀNH LÝ TRÊN ĐƯỜNG BAY QUỐC TẾ

(Dành cho người lớn và trẻ em từ 2 tuổi đến dưới 12 tuổi)

HÀNH TRÌNH	HẠNG VÉ	TỔNG SỐ KIỆN/ TỔNG TRỌNG LƯỢNG TỐI ĐA	TỔNG TRỌNG LƯỢNG TỐI ĐA 1 KIỆN	TỔNG KÍCH THƯỚC 3 CHIỀU TỐI ĐA 1 KIỆN
Từ/Đến Châu Mỹ	Hạng Thương gia	2 kiện	23 kg	158cm (62in)
	Hạng Phổ Thông	2 kiện	23 kg	158cm (62in)/kiện và tổng kích thước 3 chiều của 2 kiện không vượt quá 273cm (107in)
Hành trình: Giữa Lào, Campuchia, My-an-ma, Trung Quốc, Đài Loan và Việt Nam Giữa Lào và Campuchia (qua Việt Nam) Giữa Lào và My-an-ma Giữa My-an-ma và Campuchia Từ Hồng Kông, Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc đến các điểm châu Á khác (trừ Úc và Niu-Di-Lân)	Hạng Thương gia	30kg	32kg	203cm
	Hạng Phổ Thông	20kg		
Giữa Hàn Quốc và Việt Nam	Hạng Thương gia	40kg		
	Hạng Phổ Thông	20kg		
Giữa Nhật Bản và Việt Nam Từ Nhật Bản đi các điểm châu Á khác	Hạng Thương gia	60kg		
	Hạng Phổ Thông	40kg		
Từ/Đến Châu Âu, Trung Đông, Châu Phi, Úc, Niu-Di-Lân Các hành trình trong Châu Á khác	Hạng Thương gia	40kg		
	Hạng Phổ Thông Đặc biệt	40kg		
	Hạng Phổ thông	30kg		

Trong trường hợp hành lý của hành khách đã vượt quá trọng lượng cho phép của hành lý miễn cước, hành khách có thể mua Hành lý tính cước cho phần trọng lượng vượt quá.

Nếu trong hành trình của hành khách bao gồm chuyến bay hợp tác giữa Vietnam Airlines và các hãng hàng không khác, trong đó hãng hàng không khác là hãng khai thác chuyến bay, chính sách hành lý miễn cước khác nhau của từng hãng sẽ được áp dụng. Hành khách vui lòng tìm hiểu thông tin về hành lý miễn cước cho mỗi chuyến bay trong hành trình trên vé của hành khách hoặc trên trang điện tử của từng hãng hàng không khai thác chuyến bay.

Các thông tin chi tiết về hành lý đặc biệt, điều kiện vận chuyển, ưu đãi dành cho Hội viên Bông sen vàng, tiêu chuẩn hành lý miễn cước trên mỗi hành trình, hành khách vui lòng tham khảo tại website: www.vietnamairlines.com

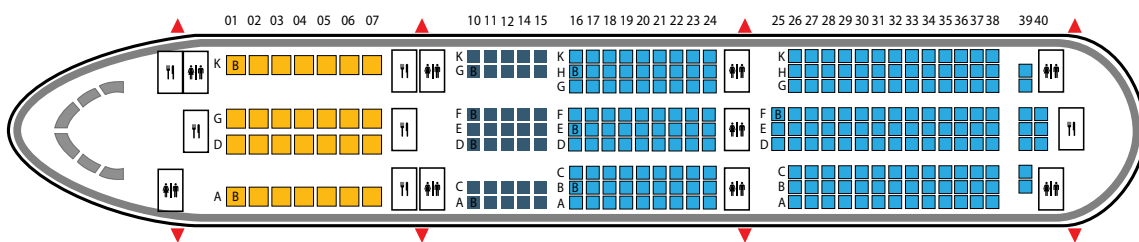


SƠ ĐỒ GHẾ NGỒI

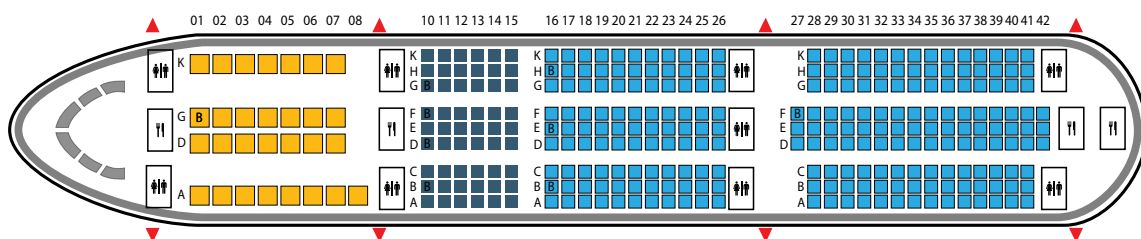
Máy bay	Số lượng ghế	Loại hình ghế
B787	Boeing 787	274
		311
B777	Boeing 777	309
A350	Airbus 350	305
A330	Airbus 330	280
		266
		269
		178
A321	Airbus 321	184
		203

C-GHẾ HẠNG THƯƠNG GIA; Y-DELUX GHẾ HẠNG PHỔ THÔNG ĐẶC BIỆT; Y-GHẾ HẠNG PHỔ THÔNG

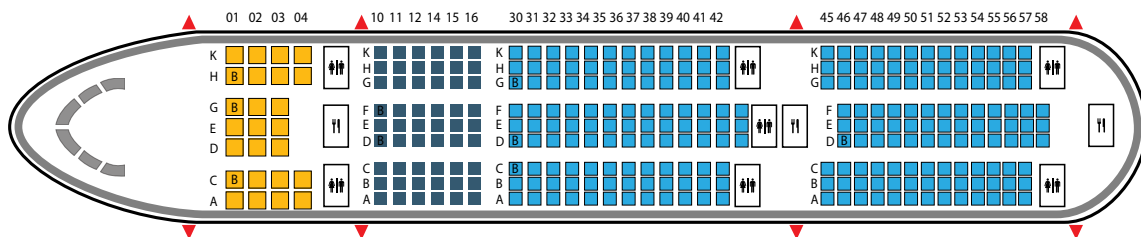
BOEING 787 - 274 GHẾ



AIRBUS A350 - 305 GHẾ



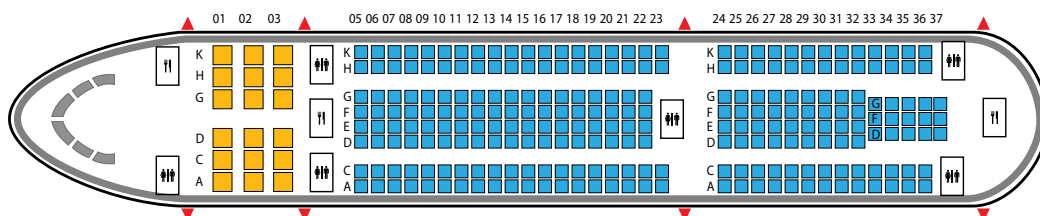
BOEING 777 - 309 GHẾ



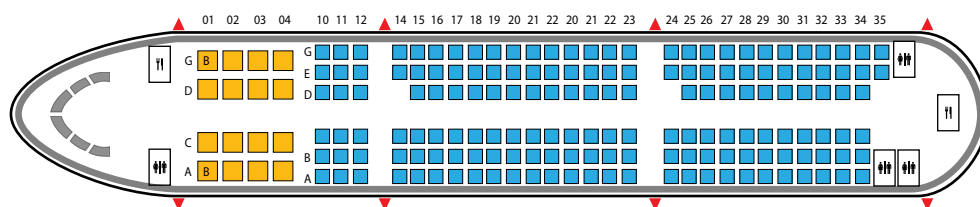


SƠ ĐỒ GHẾ NGỒI

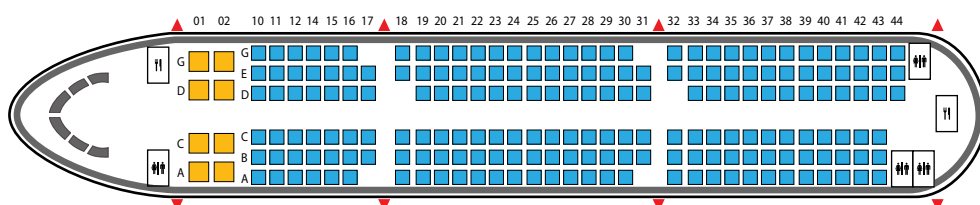
AIRBUS A330 - 269 GHẾ



AIRBUS A321 - 184 GHẾ



AIRBUS A321 - 203 GHẾ



Ghế hạng thương gia

Ghế hạng phổ thông

Ghế hạng phổ thông đặc biệt



Bếp



Cửa ra vào



Phòng vệ sinh



Ghế có nôi trẻ em



LỊCH BAY

Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
✈ VIỆT NAM											
HÀ NỘI ⇄ TP. HỒ CHÍ MINH											
Từ Hà Nội đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN4025*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	5:45AM	SGN	7:55AM	A320	Y	2:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4233*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	5:45AM	SGN	7:55AM	A320	Y	2:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN209	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	6:00AM	SGN	8:10AM	A321	CY	02:10	0
VN4007*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	6:45AM	SGN	8:50AM	A320	Y	02:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN217	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	7:00AM	SGN	9:10AM	A321	CY	02:10	0
VN219	09-Apr	28-Oct	1234567	HAN	7:30AM	SGN	9:40AM	A321	CY	02:10	0
VN4231*	26-Mar	28-Oct	_2_4_67	HAN	7:45AM	SGN	9:50AM	A320	Y	02:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN223	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	8:00AM	SGN	10:10AM	B787	CY	02:10	0
VN281	26-Mar	28-Oct	_2_4_67	HAN	8:30AM	SGN	10:45AM	A321	CY	02:15	0
VN4001*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	8:45AM	SGN	10:50AM	A320	Y	02:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN225	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	9:00AM	SGN	11:10AM	A321	CY	02:10	0
VN4019*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	10:00AM	SGN	12:05PM	A320	Y	02:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN227	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	10:00AM	SGN	12:10PM	A321	CY	02:10	0
VN229	27-Mar	28-Oct	123456_	HAN	10:30AM	SGN	12:40PM	A321	CY	02:10	0
VN231	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	11:00AM	SGN	1:10PM	A321	CY	02:10	0
VN4015*	01-Jul	31-Jul	1234567	HAN	11:25AM	SGN	1:35PM	A320	Y	02:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN233	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	12:00PM	SGN	2:10PM	A321	CY	02:10	0
VN4021*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	12:30PM	SGN	2:40PM	A320	Y	02:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN237	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	1:00PM	SGN	3:10PM	B787	CY	02:10	0
VN239	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	2:00PM	SGN	4:10PM	A350	CY	02:10	0
VN243	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	2:30PM	SGN	4:40PM	B787	CY	02:10	0
VN4017*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	2:55PM	SGN	5:00PM	A320	Y	02:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN247	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	3:00PM	SGN	5:15PM	B787	CY	02:15	0
VN4003*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	3:30PM	SGN	5:35PM	A320	Y	02:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN249	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	3:45PM	SGN	6:00PM	A330	CY	02:15	0
VN253	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	4:00PM	SGN	6:15PM	B787	CY	02:15	0
VN257	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	4:30PM	SGN	6:45PM	B787	CY	02:15	0
VN259	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	5:00PM	SGN	7:15PM	A321	CY	02:15	0
VN261	27-Mar	11-Apr	123456_	HAN	5:30PM	SGN	7:45PM	A330	CY	02:15	0
VN4005*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	5:30PM	SGN	7:35PM	A320	Y	02:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4123*	01-Jul	28-Oct	_2_4_6_	HAN	5:30PM	SGN	7:10PM	A320	Y	01:40	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4009*	01-Aug	28-Oct	12_4_6_	HAN	5:45PM	SGN	7:55PM	A320	Y	02:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN263	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	6:00PM	SGN	8:15PM	A350	CY	02:15	0
VN267	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	6:30PM	SGN	8:45PM	A350	CY	02:15	0
VN4067*	01-Jun	30-Jun	_2_4_6_	HAN	6:40PM	SGN	8:50PM	A320	Y	02:10	
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN269	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	7:00PM	SGN	9:15PM	A350	CY	02:15	0
VN277	26-Mar	28-Oct	1_3_5_	HAN	7:45PM	SGN	10:00PM	A321	CY	02:15	0
VN279	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	8:00PM	SGN	10:15PM	A321	CY	02:15	
VN285	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	8:45PM	SGN	11:00PM	A321	CY	02:15	0
VN4013*	01-Aug	28-Oct	1234567	HAN	8:50PM	SGN	11:00PM	A320	Y	02:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4027*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	9:15PM	SGN	11:20PM	A320	Y	02:05	
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN287	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	9:30PM	SGN	11:40PM	A321	CY	02:10	0
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Hà Nội											
VN208	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	5:45AM	HAN	7:50AM	A321	CY	02:05	0
VN4230*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:00AM	HAN	8:05AM	A320	Y	02:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN212	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:30AM	HAN	8:35AM	A321	CY	02:05	0
VN4234*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:40AM	HAN	8:45AM	A320	Y	02:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN216	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	7:00AM	HAN	9:05AM	A330	CY	02:05	0
VN218	27-Mar	28-Oct	1234567	SGN	7:30AM	HAN	9:35AM	A321	CY	02:05	0
VN220	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	8:00AM	HAN	10:05AM	A321	CY	02:05	0
VN4018*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	8:00AM	HAN	10:10AM	A320	Y	02:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN224	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	8:30AM	HAN	10:35AM	B787	CY	02:05	0
VN4012*	01-Jul	28-Oct	1234567	SGN	8:45AM	HAN	10:50AM	A320	Y	02:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN226	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	9:00AM	HAN	11:05AM	A321	CY	02:05	0
VN228	26-Mar	27-Oct	1234567	SGN	9:30AM	HAN	11:35AM	A321	CY	02:05	0
VN4004*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	9:45AM	HAN	11:50AM	A320	Y	02:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN230	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	10:00AM	HAN	12:05PM	A321	CY	02:05	0
VN4020*	01-Jun	28-Oct	1234567	SGN	10:45AM	HAN	12:50PM	A320	Y	02:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN232	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	11:00AM	HAN	1:05PM	A321	CY	02:05	0
VN236	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	12:00PM	HAN	2:05PM	B787	CY	02:05	0
VN4232*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	12:15PM	HAN	2:20PM	A320	Y	02:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4006*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	12:45PM	HAN	2:50PM	A320	Y	02:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN238	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	1:00PM	HAN	3:05PM	A330	CY	02:05	0
VN242	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	2:00PM	HAN	4:05PM	A330	CY	02:05	0
VN4010*	01-Aug	28-Oct	12_4_6_	SGN	2:25PM	HAN	4:35PM	A320	Y	02:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN246	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	2:30PM	HAN	4:35PM	A350	CY	02:05	0
VN4000*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	2:45PM	HAN	4:50PM	A320	Y	02:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN248	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	3:00PM	HAN	5:10PM	A350	CY	02:10	0
VN252	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	3:30PM	HAN	5:40PM	A350	CY	02:10	0
VN256	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	4:00PM	HAN	6:10PM	A321	CY	02:10	0
VN258	13-Apr	28-Oct	1234567	SGN	4:30PM	HAN	6:40PM	B787	CY	02:10	0
VN262	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	5:00PM	HAN	7:10PM	B787	CY	02:10	0
VN4016*	01-Jul	28-Oct	1234567	SGN	5:10PM	HAN	7:15PM	A320	Y	02:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN266	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:00PM	HAN	8:10PM	A350	CY	02:10	0
VN4014*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:45PM	HAN	8:50PM	A320	Y	02:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN272	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	7:00PM	HAN	9:10PM	B787	CY	02:10	0
VN274	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	7:30PM	HAN	9:40PM	A330	CY	02:10	0

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN4022*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	7:55PM	HAN	10:00PM	A320	Y	02:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN276	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	8:00PM	HAN	10:10PM	B787	CY	02:10	0
VN278	26-Mar	30-Aug	1_3_5_7	SGN	8:30PM	HAN	10:40PM	A330	CY	02:10	0
VN286	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	9:30PM	HAN	11:35PM	A321	CY	02:05	0
VN4024*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	9:45PM	HAN	11:50PM	A320	Y	02:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4026*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	10:00PM	HAN	12:05PM	A320	Y	02:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
HÀ NỘI ⇄ ĐÀ NẴNG											
Từ Hà Nội đến Đà Nẵng											
VN155	26-Mar	23-Oct	1234567	HAN	6:00AM	DAD	7:20AM	A321	CY	01:20	0
VN157	02-Sep	28-Oct	_2_4_6_	HAN	6:10AM	DAD	7:30AM	A321	CY	01:20	0
VN161	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	6:30AM	DAD	7:50AM	A321	CY	01:20	0
VN4063*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	7:25AM	DAD	8:45AM	A320	Y	01:20	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN163	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	9:30AM	DAD	10:50AM	A321	CY	01:20	0
VN165	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	10:30AM	DAD	11:50AM	A321	CY	01:20	0
VN171	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	11:30AM	DAD	12:50PM	A321	CY	01:20	0
VN173	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	12:30PM	DAD	1:50PM	A321	CY	01:20	0
VN175	27-Mar	28-Oct	1234567	HAN	2:00PM	DAD	3:20PM	A321	CY	01:20	0
VN177	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	3:00PM	DAD	4:20PM	A321	CY	01:20	0
VN179	26-Mar	26-Oct	_2_4__7	HAN	4:00PM	DAD	5:20PM	A321	CY	01:20	0
VN181	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	4:30PM	DAD	5:50PM	A321	CY	01:20	0
VN4065*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	5:25PM	DAD	6:45PM	A320	Y	01:20	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN185	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	6:30PM	DAD	7:50PM	A321	CY	01:20	0
VN187	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	8:45PM	DAD	10:05PM	A321	CY	01:20	0
VN189	01-Apr	27-Oct	123_56_	HAN	10:00PM	DAD	11:20PM	A321	CY	01:20	0
Từ Đà Nẵng đến Hà Nội											
VN160	28-Mar	28-Oct	1234567	DAD	6:30AM	HAN	7:50AM	A321	CY	01:20	0
VN162	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	8:10AM	HAN	9:30AM	A321	CY	01:20	0
VN164	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	8:30AM	HAN	9:50AM	A321	CY	01:20	0
VN4062*	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	9:20AM	HAN	10:40AM	A320	Y	01:20	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN166	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	9:30AM	HAN	10:50AM	A321	CY	01:20	0
VN168	26-Mar	26-Oct	1__4__7	DAD	10:30AM	HAN	11:50AM	A321	CY	01:20	0
VN170	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	11:40AM	HAN	1:00PM	A321	CY	01:20	0
VN172	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	1:00PM	HAN	2:20PM	A321	CY	01:20	0
VN174	01-Sep	28-Oct	1234567	DAD	1:45PM	HAN	3:05PM	A321	CY	01:20	0
VN176	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	2:45PM	HAN	4:05PM	A321	CY	01:20	0
VN182	28-Mar	28-Oct	_23__6_	DAD	3:00PM	HAN	4:20PM	A321	CY	01:20	0
VN184	27-Mar	28-Oct	1234567	DAD	5:30PM	HAN	6:50PM	A321	CY	01:20	0
VN186	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	6:45PM	HAN	8:05PM	A321	CY	01:20	0
VN4056*	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	7:20PM	HAN	8:40PM	A320	Y	01:20	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN188	02-Apr	26-Oct	1234567	DAD	8:30PM	HAN	9:50PM	A321	CY	01:20	0
VN190	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	8:45PM	HAN	10:05PM	A321	CY	01:20	0

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
TP. HỒ CHÍ MINH ⇄ ĐÀ NẴNG											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Đà Nẵng											
VN104	01-May	26-Oct	1234567	SGN	5:40AM	DAD	7:00AM	A321	CY	01:20	0
VN4030*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:00AM	DAD	7:20AM	A320	Y	01:20	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN110	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:30AM	DAD	7:50AM	A321	CY	01:20	0
VN112	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	8:00AM	DAD	9:20AM	A330	CY	01:20	0
VN116	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	9:30AM	DAD	10:50AM	A321	CY	01:20	0
VN120	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	10:00AM	DAD	11:20AM	A321	CY	01:20	0
VN122	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	11:30AM	DAD	12:50PM	A321	CY	01:20	0
VN124	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	12:00PM	DAD	1:20PM	A321	CY	01:20	0
VN4038*	26-Mar	31-May	1234_67	SGN	1:25PM	DAD	2:45PM	A320	Y	01:20	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN126	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	1:30PM	DAD	2:50PM	A330	CY	01:20	0
VN4032*	01-Jun	28-Oct	1234567	SGN	2:00PM	DAD	3:20PM	A320	Y	01:20	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN128	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	2:30PM	DAD	3:50PM	A321	CY	01:20	0
VN130	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	3:00PM	DAD	4:20PM	A321	CY	01:20	0
VN132	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	4:30PM	DAD	5:50PM	A321	CY	01:20	0
VN136	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:00PM	DAD	7:20PM	A321	CY	01:20	0
VN140	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	8:00PM	DAD	9:20PM	A330	CY	01:20	0
VN4034*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	8:10PM	DAD	9:30PM	A320	Y	01:20	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN142	28-Mar	26-Oct	1234567	SGN	10:00PM	DAD	11:20PM	A321	CY	01:20	0
Từ Đà Nẵng đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN105	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	6:30AM	SGN	7:55AM	A321	CY	01:25	0
VN109	01-May	25-Sep	123__6_	DAD	7:55AM	SGN	9:20AM	A321	CY	01:25	0
VN113	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	8:45AM	SGN	10:10AM	A321	CY	01:25	0
VN117	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	10:30AM	SGN	11:55AM	A330	CY	01:25	0
VN4039*	26-Mar	28-Oct	__345_7	DAD	11:35AM	SGN	12:55PM	A320	Y	01:25	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN121	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	11:45AM	SGN	1:10PM	A321	CY	01:25	0
VN123	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	12:15PM	SGN	1:40PM	A321	CY	01:25	0
VN125	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	2:00PM	SGN	3:25PM	A321	CY	01:25	0
VN127	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	2:10PM	SGN	3:35PM	A321	CY	01:25	0
VN129	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	4:00PM	SGN	5:25PM	A330	CY	01:25	0

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN4031*	26-Mar	31-Mar	_234567	DAD	4:00PM	SGN	5:25PM	A320	Y	01:25	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN131	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	4:45PM	SGN	6:10PM	A321	CY	01:25	0
VN4041*	01-Aug	28-Oct	_234567	DAD	4:45PM	SGN	6:05PM	A320	Y	01:20	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN133	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	5:30PM	SGN	6:55PM	A321	CY	01:25	0
VN135	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	7:00PM	SGN	8:25PM	A321	CY	01:25	0
VN141	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	8:30PM	SGN	9:55PM	A321	CY	01:25	0
VN4035*	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	10:15PM	SGN	11:35PM	A320	Y	01:25	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN143	27-Mar	28-Oct	1234567	DAD	10:20PM	SGN	11:45PM	A330	CY	01:25	0

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
TỪ/ĐẾN ⇄ HÀ NỘI											
Hà Nội ⇄ Buôn Ma Thuột											
Từ Hà Nội đến Buôn Ma Thuột											
VN1601	26-Mar	27-Oct	1_3_5_7	HAN	6:00AM	BMV	7:45AM	A321	CY	01:45	0
VN4127*	01-Apr	28-Oct	_2_4_6_	HAN	10:35AM	BMV	12:15PM	A320	Y	01:40	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Từ Buôn Ma Thuột đến Hà Nội											
VN1600	26-Mar	27-Oct	1_3_5_7	BMV	8:30AM	HAN	10:10AM	A321	CY	01:40	0
VN4126*	26-Mar	31-Mar	_2_4_6_	BMV	8:40AM	HAN	10:00AM	A320	Y	01:20	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Hà Nội ⇄ Cần Thơ											
Từ Hà Nội đến Cần Thơ											
VN1201	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	7:00AM	VCA	9:10AM	A321	CY	02:10	0
VN4207*	01-Jul	28-Oct	_234567	HAN	10:45AM	VCA	1:00PM	A320	Y	02:15	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1203	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	1:05PM	VCA	3:15PM	A321	CY	02:10	0
VN1205	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	5:30PM	VCA	7:40PM	A321	CY	02:10	0
Từ Cần Thơ đến Hà Nội											
VN1200	26-Mar	28-Oct	1234567	VCA	9:55AM	HAN	12:05PM	A321	CY	02:10	0
VN4206*	01-Jul	28-Oct	_2_4_67	VCA	1:35PM	HAN	3:50PM	A320	Y	02:15	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1202	26-Mar	28-Oct	1234567	VCA	4:00PM	HAN	6:10PM	A321	CY	02:10	0
VN1204	26-Mar	28-Oct	1234567	VCA	8:25PM	HAN	10:35PM	A321	CY	02:10	0
Hà Nội ⇄ Chu Lai											
Từ Hà Nội đến Chu Lai											
VN4169 *	26-Mar	28-Oct	__3_56_	HAN	10:05AM	VCL	11:30AM	32V	Y	01:25	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1641	27-Mar	28-Oct	1_34_6_	HAN	1:10PM	VCL	2:35PM	A321	CY	01:25	0
Từ Chu Lai đến Hà Nội											
4166*	26-Mar	28-Oct	__3_56_	VCL	12:05PM	HAN	1:30PM	A320	Y	01:25	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
1640	27-Mar	28-Oct	1_34_6_	VCL	3:20PM	HAN	4:50PM	A321	CY	01:30	0
Hà Nội ⇄ Đà Lạt											
Từ Hà Nội đến Đà Lạt											
VN1573	01-Jun	31-Aug	1234567	HAN	6:05AM	DLI	8:00AM	A321	CY	01:55	0
VN4181*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	10:30AM	DLI	12:20PM	A320	Y	01:50	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN1577	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	12:05PM	DLI	2:00PM	A321	CY	01:55	0
Từ Đà Lạt đến Hà Nội											
VN4180*	26-Mar	28-Oct	1234567	DLI	8:05AM	HAN	9:55AM	A320	Y	01:50	0
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1572	01-Jun	31-Aug	1234567	DLI	8:40AM	HAN	10:30AM	A321	CY	01:50	0
VN1576	26-Mar	28-Oct	1234567	DLI	2:40PM	HAN	4:30PM	A321	CY	01:50	0
Hà Nội ↔ Điện Biên											
Từ Hà Nội đến Điện Biên											
VN8202*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	11:45AM	DIN	1:00PM	ATR72	Y	01:15	0
* Chuyển bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
VN8204*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	3:10PM	DIN	4:25PM	ATR72	Y	01:15	0
* Chuyển bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
Từ Điện Biên đến Hà Nội											
VN8203*	26-Mar	28-Oct	1234567	DIN	1:30PM	HAN	2:30PM	ATR72	Y	01:00	0
* Chuyển bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
VN8205*	26-Mar	28-Oct	1234567	DIN	4:55PM	HAN	5:55PM	ATR72	Y	01:00	0
* Chuyển bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
Hà Nội ↔ Đồng Hới											
Từ Hà Nội đến Đồng Hới											
VN8591*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	7:45AM	VDH	9:15AM	ATR72	Y	01:30	0
* Chuyển bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
Từ Đồng Hới đến Hà Nội											
VN8590*	26-Mar	28-Oct	1234567	VDH	9:45AM	HAN	11:05AM	ATR72	Y	01:20	0
* Chuyển bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
Hà Nội ↔ Huế											
Từ Hà Nội đến Huế											
VN1543	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	8:45AM	HUI	9:55AM	A321	CY	01:10	0
VN1545	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	6:30PM	HUI	7:40PM	A321	CY	01:10	0
VN1547	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	7:00PM	HUI	8:10PM	A321	CY	01:10	0
Từ Huế đến Hà Nội											
VN1542	26-Mar	28-Oct	1234567	HUI	10:35AM	HAN	11:50AM	A321	CY	01:15	0
VN1544	26-Mar	28-Oct	1234567	HUI	8:20PM	HAN	9:35PM	A321	CY	01:15	0
VN1546	26-Mar	28-Oct	1234567	HUI	8:50PM	HAN	10:05PM	A321	CY	01:15	0
Hà Nội ↔ Nha Trang											
Từ Hà Nội đến Nha Trang											
VN1553	01-Jun	01-Sep	1234567	HAN	6:40AM	CXR	8:35AM	A321	CY	01:55	0
VN1557	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	9:45AM	CXR	11:40AM	A321	CY	01:55	0

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN1559	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	11:10AM	CXR	1:05PM	A321	CY	01:55	0
VN1561	27-Mar	27-Oct	1_3_5__	HAN	2:45PM	CXR	4:40PM	A321	CY	01:55	0
VN4191*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	3:35PM	CXR	5:25PM	A320	Y	01:50	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1563	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	4:45PM	CXR	6:40PM	A321	CY	01:55	0
VN1565	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	5:40PM	CXR	7:35PM	A321	CY	01:55	0
Từ Nha Trang đến Hà Nội											
VN1550	26-Mar	28-Oct	1234567	CXR	6:00AM	HAN	7:55AM	A321	CY	01:55	0
VN1552	28-Mar	28-Oct	_2_4_6_	CXR	6:30AM	HAN	8:25AM	A321	CY	01:55	0
VN1554	26-Mar	28-Oct	1234567	CXR	7:00AM	HAN	8:55AM	A321	CY	01:55	0
VN1556	01-Jun	01-Sep	1234567	CXR	9:25AM	HAN	11:20AM	A321	CY	01:55	0
VN1558	26-Mar	28-Oct	1234567	CXR	1:50PM	HAN	3:45PM	A321	CY	01:55	0
VN4190*	26-Mar	28-Oct	1234567	CXR	6:00PM	HAN	7:50PM	A320	Y	01:50	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1562	26-Mar	28-Oct	1234567	CXR	7:25PM	HAN	9:20PM	A321	CY	01:55	0
Hà Nội ↔ Phú Quốc											
Từ Hà Nội đến Phú Quốc											
VN1233	26-Mar	27-Oct	1234567	HAN	6:40AM	PQC	8:45AM	A321	CY	02:05	0
VN4201*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	10:45AM	PQC	12:55PM	A320	Y	02:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1237	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	12:40PM	PQC	2:45PM	A321	CY	02:05	0
Từ Phú Quốc đến Hà Nội											
VN1232	26-Mar	27-Oct	1234567	PQC	9:30AM	HAN	11:40AM	A321	CY	02:10	0
VN4200*	26-Mar	28-Oct	1234567	PQC	1:30PM	HAN	3:40PM	A320	Y	02:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1236	26-Mar	28-Oct	1234567	PQC	3:30PM	HAN	5:40PM	A321	CY	02:10	0
Hà Nội ↔ Pleiku											
Từ Hà Nội đến Pleiku											
VN1613	27-Mar	28-Oct	12_4_6_	HAN	12:55PM	PXU	2:30PM	A321	CY	01:35	0
VN4227*	26-Mar	31-May	__3_5_7	HAN	1:50PM	PXU	3:30PM	A320	Y	01:40	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Từ Pleiku đến Hà Nội											
VN1612	27-Mar	28-Oct	12_4_6_	PXU	3:20PM	HAN	4:50PM	A321	CY	01:30	0
VN4226*	26-Mar	31-May	__3_5_7	PXU	6:20PM	HAN	8:00PM	A320	Y	01:40	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Hà Nội ↔ Quy Nhơn											
Từ Hà Nội đến Quy Nhơn											
VN1621	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	7:25AM	UIH	9:05AM	A321	CY	01:40	0
VN1625	26-Mar	27-Oct	1234567	HAN	4:50PM	UIH	6:30PM	A321	CY	01:40	0
VN4155*	26-Mar	28-Oct	__3_5_7	HAN	5:20PM	UIH	6:55PM	A320	Y	01:35	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Từ Quy Nhơn đến Hà Nội											
1620	26-Mar	28-Oct	1234567	UIH	9:50AM	HAN	11:25AM	A321	CY	01:35	0
4154*	26-Mar	28-Oct	1_3_5_7	UIH	1:05PM	HAN	2:40PM	A320	Y	01:35	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
1624	26-Mar	27-Oct	1234567	UIH	7:15PM	HAN	8:50PM	A321	CY	01:35	0
Hà Nội ↔ Tuy Hòa											
Từ Hà Nội đến Tuy Hòa											
VN4177*	26-Mar	28-Oct	_234_6_	HAN	9:20AM	TBB	11:10AM	A320	Y	01:50	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Từ Tuy Hòa đến Hà Nội											
VN4176*	26-Mar	28-Oct	_234_6_	TBB	11:45AM	HAN	1:35PM	A320	Y	01:50	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Hà Nội ↔ Vinh											
Từ Hà Nội đến Vinh											
VN8313*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	9:05AM	VII	10:10AM	ATR72	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
VN1715	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	7:05PM	VII	7:55PM	A321	CY	00:50	0
Từ Vinh đến Hà Nội											
8312*	26-Mar	28-Oct	1234567	VII	10:40AM	HAN	11:40AM	ATR72	Y	01:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
1714	26-Mar	28-Oct	1234567	VII	8:40PM	HAN	9:30PM	A321	CY	00:50	0

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
TỪ/ĐẾN ⇌ TP. HỒ CHÍ MINH											
Tp. Hồ Chí Minh ⇌ Buôn Ma Thuột											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Buôn Ma Thuột											
VN4120*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	7:10AM	BMV	8:05AM	A320	Y	00:55	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1414	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	7:55PM	BMV	8:55PM	A321	CY	01:00	0
VN1416	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	8:35PM	BMV	9:35PM	A321	CY	01:00	0
Từ Buôn Ma Thuột đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN4121*	26-Mar	28-Oct	1234567	BMV	12:40PM	SGN	1:35PM	A320	Y	00:55	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1415	26-Mar	28-Oct	1234567	BMV	9:40PM	SGN	10:35PM	A321	CY	00:55	0
VN1417	26-Mar	28-Oct	1234567	BMV	10:20PM	SGN	11:15PM	A321	CY	00:55	0
Tp. Hồ Chí Minh ⇌ Cà Mau											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Cà Mau											
VN8061*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	5:55AM	CAH	6:55AM	ATR72	Y	01:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
Từ Cà Mau đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN8060*	26-Mar	28-Oct	1234567	CAH	7:25AM	SGN	8:40AM	ATR72	Y	01:15	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
Tp. Hồ Chí Minh ⇌ Chu Lai											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Chu Lai											
VN4218*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	9:30AM	VCL	10:50AM	A320	Y	01:20	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Từ Chu Lai đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN4219*	26-Mar	28-Oct	1234567	VCL	11:25AM	SGN	12:45PM	A320	Y	01:20	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Tp. Hồ Chí Minh ⇌ Côn Đảo											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Côn Đảo											
VN8051*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	5:55AM	VCS	6:55AM	ATR72	Y	01:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
VN8055*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	8:55AM	VCS	9:55AM	ATR72	Y	01:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
VN8053*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	9:10AM	VCS	10:10AM	ATR72	Y	01:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
VN8075*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	9:40AM	VCS	10:40AM	ATR72	Y	01:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
VN8057*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	12:20PM	VCS	1:20PM	ATR72	Y	01:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN8059*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	12:55PM	VCS	1:55PM	ATR72	Y	01:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
VN8073*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	3:30PM	VCS	4:30PM	ATR72	Y	01:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
Từ Côn Đảo đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN8050*	26-Mar	28-Oct	1234567	VCS	7:25AM	SGN	8:30AM	ATR72	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
VN8052*	26-Mar	28-Oct	1234567	VCS	10:40AM	SGN	11:45AM	ATR72	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
VN8074*	26-Mar	28-Oct	1234567	VCS	11:10AM	SGN	12:15PM	ATR72	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
VN8056*	26-Mar	28-Oct	1234567	VCS	1:50PM	SGN	2:55PM	ATR72	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
VN8058*	26-Mar	28-Oct	1234567	VCS	2:25PM	SGN	3:30PM	ATR72	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
VN8054*	26-Mar	28-Oct	1234567	VCS	4:10PM	SGN	5:15PM	ATR72	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
VN8072*	26-Mar	28-Oct	1234567	VCS	5:00PM	SGN	6:05PM	ATR72	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
Tp. Hồ Chí Minh ↔ Đà Lạt											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Đà Lạt											
VN1380	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:00AM	DLI	6:50AM	A321	CY	00:50	0
VN4188*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:40AM	DLI	7:30AM	A320	Y	00:50	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4186*	01-Jul	28-Oct	1234567	SGN	2:10PM	DLI	3:05PM	A320	Y	00:55	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1382	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	9:30PM	DLI	10:20PM	A321	CY	00:50	0
Từ Đà Lạt đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN1381	26-Mar	28-Oct	1234567	DLI	7:30AM	SGN	8:20AM	A321	CY	00:50	0
VN4189*	26-Mar	28-Oct	1234567	DLI	12:55PM	SGN	1:50PM	A320	Y	00:55	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4187*	01-Jul	28-Oct	1234567	DLI	3:40PM	SGN	4:35PM	A320	Y	00:55	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1383	26-Mar	28-Oct	1234567	DLI	11:00PM	SGN	11:50PM	A321	CY	00:50	0

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Tp. Hồ Chí Minh ↔ Đồng Hới											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Đồng Hới											
VN4170*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	5:30PM	VDH	7:05PM	A320	Y	01:35	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1400	27-Mar	28-Oct	1_34_6_	SGN	6:05PM	VDH	7:40PM	A321	CY	01:35	0
Từ Đồng Hới đến Tp. Hồ Chí Minh											
4171*	26-Mar	28-Oct	1234567	VDH	7:35PM	SGN	9:15PM	A320	Y	01:40	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
1401	27-Mar	28-Oct	1_34_6_	VDH	8:25PM	SGN	10:00PM	A321	CY	01:35	0
Tp. Hồ Chí Minh ↔ Hải Phòng											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Hải Phòng											
VN1182	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	5:55AM	HPH	7:55AM	A321	CY	02:00	0
VN4070*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:10AM	HPH	8:10AM	A320	Y	02:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1186	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	8:35AM	HPH	10:35AM	A321	CY	02:00	0
VN4072*	01-Aug	28-Oct	__3_5_7	SGN	10:15AM	HPH	12:15PM	A320	Y	02:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1188	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:00PM	HPH	8:00PM	A321	CY	02:00	0
VN4076*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	7:10PM	HPH	9:10PM	A320	Y	02:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Từ Hải Phòng đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN1183	26-Mar	28-Oct	1234567	HPH	8:40AM	SGN	10:45AM	A321	CY	02:05	0
VN4071*	26-Mar	28-Oct	1234567	HPH	8:45AM	SGN	10:45AM	A320	Y	02:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1187	26-Mar	28-Oct	1234567	HPH	11:20AM	SGN	1:25PM	A321	CY	02:05	0
VN4073*	01-Aug	28-Oct	__3_5_7	HPH	12:50PM	SGN	2:50PM	A320	Y	02:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1189	26-Mar	28-Oct	1234567	HPH	8:45PM	SGN	10:50PM	A321	CY	02:05	0
VN4077*	26-Mar	28-Oct	1234567	HPH	9:45PM	SGN	11:45PM	A320	Y	02:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Tp. Hồ Chí Minh ↔ Huế											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Huế											
VN1370	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	5:40AM	HUI	7:05AM	A321	CY	01:25	0
VN4090*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:00AM	HUI	7:25AM	A320	Y	01:25	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1372	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	11:00AM	HUI	12:25PM	A321	CY	01:25	0
VN1374	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	4:15PM	HUI	5:40PM	A321	CY	01:25	0

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN1376	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	5:55PM	HUI	7:20PM	A321	CY	01:25	0
VN1378	01-Jun	31-Aug	1234567	SGN	8:05PM	HUI	9:30PM	A321	CY	01:25	0
Từ Huế đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN1371	26-Mar	28-Oct	1234567	HUI	7:45AM	SGN	9:10AM	A321	CY	01:25	0
VN4091*	26-Mar	28-Oct	1234567	HUI	11:25AM	SGN	12:50PM	A320	Y	01:25	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1373	26-Mar	28-Oct	1234567	HUI	1:05PM	SGN	2:30PM	A321	CY	01:25	0
VN1375	26-Mar	28-Oct	1234567	HUI	6:20PM	SGN	7:45PM	A321	CY	01:25	0
VN1377	26-Mar	28-Oct	1234567	HUI	8:00PM	SGN	9:25PM	A321	CY	01:25	0
VN1379	01-Jun	31-Aug	1234567	HUI	10:10PM	SGN	11:35PM	A321	CY	01:25	0
Tp. Hồ Chí Minh ↔ Nha Trang											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Nha Trang											
VN1342	26-Mar	31-Aug	1234567	SGN	6:05AM	CXR	7:15AM	A321	CY	01:10	0
VN4100*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	9:30AM	CXR	10:40AM	A320	Y	01:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1344	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	10:05AM	CXR	11:15AM	A321	CY	01:10	0
VN1346	28-Mar	28-Oct	1234567	SGN	11:15AM	CXR	12:25PM	A321	CY	01:10	0
VN4108*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	2:10PM	CXR	3:20PM	A320	Y	01:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4130*	13-Jun	28-Oct	__3_5_7	SGN	2:25PM	CXR	3:35PM	A320	Y	01:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1348	28-Mar	28-Oct	123456_	SGN	2:50PM	CXR	4:00PM	A321	CY	01:10	0
VN1356	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	3:50PM	CXR	5:00PM	A321	CY	01:10	0
VN1358	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	5:00PM	CXR	6:10PM	A321	CY	01:10	0
VN1354	27-Mar	28-Oct	123456_	SGN	5:10PM	CXR	6:20PM	A321	CY	01:10	0
VN4102*	01-Jun	28-Oct	1234567	SGN	5:45PM	CXR	6:55PM	A320	Y	01:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1360	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	7:00PM	CXR	8:10PM	A321	CY	01:10	0
Từ Nha Trang đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN4131*	15-Jun	28-Oct	1__4_6_	CXR	1:45AM	SGN	2:50AM	A320	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4109*	27-Mar	31-Mar	1234567	CXR	6:10AM	SGN	7:15AM	A320	Y	01:05	0
VN1345	26-Mar	28-Oct	_234567	CXR	6:30AM	SGN	7:30AM	A321	CY	01:00	0
VN1351	26-Mar	31-Aug	1234567	CXR	8:00AM	SGN	9:00AM	A321	CY	01:00	0
VN1347	26-Mar	28-Oct	1234567	CXR	9:10AM	SGN	10:10AM	A321	CY	01:00	0
VN1355	26-Mar	28-Oct	1234567	CXR	12:00PM	SGN	1:00PM	A321	CY	01:00	0

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN1359	02-Jul	27-Oct	1_3_5_7	CXR	12:25PM	SGN	1:25PM	A321	CY	01:00	0
VN1363	26-Mar	28-Oct	1234567	CXR	3:10PM	SGN	4:10PM	A321	CY	01:00	0
VN4107*	26-Mar	31-May	1234567	CXR	4:45PM	SGN	5:55PM	A320	Y	01:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4133*	01-Aug	28-Oct	1234567	CXR	5:05PM	SGN	6:10PM	A320	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4103*	01-Jun	28-Oct	1234567	CXR	7:30PM	SGN	8:40PM	A320	Y	01:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4101*	01-Jun	28-Oct	1_3_5_7	CXR	8:35PM	SGN	9:45PM	A320	Y	01:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1367	26-Mar	28-Oct	1234567	CXR	8:55PM	SGN	9:55PM	A321	CY	01:00	0
VN1369	28-Mar	28-Oct	_2_4_6_	CXR	10:50PM	SGN	11:50PM	A321	CY	01:00	0
Tp. Hồ Chí Minh ↔ Phú Quốc											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Phú Quốc											
VN1805	26-Mar	27-Oct	1234567	SGN	6:05AM	PQC	7:05AM	A321	CY	01:00	0
VN1807	01-Jun	31-Aug	1234567	SGN	6:05AM	PQC	7:05AM	A321	CY	01:00	0
VN4099*	26-Mar	31-May	1234567	SGN	6:10AM	PQC	7:15AM	A320	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4115*	01-Jun	28-Oct	1234567	SGN	7:00AM	PQC	8:05AM	A320	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1813	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	8:20AM	PQC	9:20AM	A321	CY	01:00	0
VN1815	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	10:30AM	PQC	11:30AM	A321	CY	01:00	0
VN4137*	26-Mar	19-Apr	_345_7	SGN	10:40AM	PQC	11:45AM	A320	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4113*	26-Mar	31-Jul	1234567	SGN	11:30AM	PQC	12:35PM	A320	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4117*	01-Jun	28-Oct	1234567	SGN	11:30AM	PQC	12:35PM	A320	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1817	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	11:55AM	PQC	12:55PM	A321	CY	01:00	0
VN4111*	26-Mar	28-Oct	1_4_7	SGN	1:30PM	PQC	2:35PM	A320	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1821	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	2:00PM	PQC	3:00PM	A321	CY	01:00	0
VN1823	21-Jun	28-Oct	123456_	SGN	6:25PM	PQC	7:25PM	A321	CY	01:00	0
VN4119*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	8:25PM	PQC	9:30PM	A320	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Từ Phú Quốc đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN1804	22-Jun	28-Oct	_234567	PQC	7:25AM	SGN	8:30AM	A321	CY	01:05	0
VN1806	26-Mar	27-Oct	1234567	PQC	7:50AM	SGN	8:55AM	A321	CY	01:05	0
VN1808	01-Jun	31-Aug	1234567	PQC	7:50AM	SGN	8:55AM	A321	CY	01:05	0
VN4124*	26-Mar	31-May	1234567	PQC	7:50AM	SGN	8:55AM	A320	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4118*	01-Jun	28-Oct	1234567	PQC	8:40AM	SGN	9:45AM	A320	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1814	26-Mar	28-Oct	1234567	PQC	10:15AM	SGN	11:20AM	A321	CY	01:05	0
VN1816	26-Mar	28-Oct	1234567	PQC	12:15PM	SGN	1:20PM	A321	CY	01:05	0
VN4098*	26-Mar	28-Oct	__345_7	PQC	12:20PM	SGN	1:25PM	A320	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4114*	01-Jun	28-Oct	1234567	PQC	1:10PM	SGN	2:15PM	A320	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4116*	26-Mar	31-Jul	1234567	PQC	1:10PM	SGN	2:15PM	A320	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1818	26-Mar	28-Oct	1234567	PQC	1:40PM	SGN	2:45PM	A321	CY	01:05	0
VN4110*	26-Mar	28-Oct	1__4__7	PQC	3:10PM	SGN	4:15PM	A320	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1820	26-Mar	28-Oct	1234567	PQC	3:50PM	SGN	4:55PM	A321	CY	01:05	0
VN4112*	26-Mar	28-Oct	1234567	PQC	10:05PM	SGN	11:10PM	A320	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Tp. Hồ Chí Minh ↔ Pleiku											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Pleiku											
VN4220*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:15PM	PXU	7:25PM	A320	Y	01:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1426	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	8:25PM	PXU	9:30PM	A321	CY	01:05	0
Từ Pleiku đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN4221*	26-Mar	28-Oct	1234567	PXU	8:00PM	SGN	9:10PM	A320	Y	01:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1427	26-Mar	28-Oct	1234567	PXU	10:15PM	SGN	11:20PM	A321	CY	01:05	0
Tp. Hồ Chí Minh ↔ Quy Nhơn											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Quy Nhơn											
VN1392	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	7:40AM	UIH	8:50AM	A321	CY	01:10	0
VN1394	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	11:55AM	UIH	1:05PM	A321	CY	01:10	0
VN1396	26-Mar	27-Oct	1234567	SGN	1:00PM	UIH	2:10PM	A321	CY	01:10	0

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN4152*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	1:25PM	UIH	2:35PM	A320	Y	01:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1398	02-Jun	30-Aug	1_3_5_7	SGN	5:35PM	UIH	6:45PM	A321	CY	01:10	0
Từ Quy Nhơn đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN1393	26-Mar	28-Oct	1234567	UIH	9:40AM	SGN	10:50AM	A321	CY	01:10	0
VN1395	26-Mar	28-Oct	1234567	UIH	1:50PM	SGN	3:00PM	A321	CY	01:10	0
VN1397	26-Mar	27-Oct	1234567	UIH	2:55PM	SGN	4:05PM	A321	CY	01:10	0
VN1399	02-Jun	30-Aug	1_3_5_7	UIH	7:30PM	SGN	8:40PM	A321	CY	01:10	0
VN4153*	26-Mar	28-Oct	1234567	UIH	7:30PM	SGN	8:40PM	A320	Y	01:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Tp. Hồ Chí Minh ↔ Rạch Giá											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Rạch Giá											
VN8003*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:00AM	VKG	6:50AM	ATR72	Y	00:50	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
Từ Rạch Giá đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN8002*	26-Mar	28-Oct	1234567	VKG	7:20AM	SGN	8:15AM	ATR72	Y	00:55	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
Tp. Hồ Chí Minh ↔ Thanh hoá											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Thanh hoá											
VN1270	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	12:15PM	THD	2:15PM	A321	CY	02:00	0
VN4146*	26-Mar	28-Oct	_234567	SGN	2:25PM	THD	4:25PM	A320	Y	02:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4144*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	3:10PM	THD	5:10PM	A320	Y	02:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4142*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:05PM	THD	8:05PM	A320	Y	02:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Từ Thanh Hoá đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN1271	26-Mar	28-Oct	1234567	THD	3:05PM	SGN	5:05PM	A321	CY	02:00	0
VN4147*	26-Mar	28-Oct	_234567	THD	5:00PM	SGN	7:00PM	A320	Y	02:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4145*	26-Mar	28-Oct	1234567	THD	5:40PM	SGN	7:40PM	A320	Y	02:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4143*	26-Mar	28-Oct	1234567	THD	8:40PM	SGN	10:40PM	A320	Y	02:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Tp. Hồ Chí Minh ↔ Tuy Hòa											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Tuy Hòa											
VN4164*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	8:40AM	TBB	9:50AM	A320	Y	01:10	0
Từ Tuy Hòa đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN4165*	26-Mar	28-Oct	1234567	TBB	10:25AM	SGN	11:35AM	A320	Y	01:10	0
Tp. Hồ Chí Minh ↔ Vinh											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Vinh											
VN4080*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	5:50AM	VII	7:40AM	A320	Y	01:50	0
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1262	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:40AM	VII	8:30AM	A321	CY	01:50	0
VN1264	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	11:10AM	VII	1:00PM	A321	CY	01:50	0
VN1266	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	2:00PM	VII	3:50PM	A321	CY	01:50	0
VN4088*	26-Mar	28-Oct	_234_67	SGN	2:10PM	VII	4:00PM	A320	Y	01:50	0
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4082*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:25PM	VII	8:15PM	A320	Y	01:50	0
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1268	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	7:15PM	VII	9:05PM	A321	CY	01:50	0
Từ Vinh đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN1263	26-Mar	28-Oct	1234567	VII	9:15AM	SGN	11:05AM	A321	CY	01:50	0
VN4081*	26-Mar	28-Oct	1234567	VII	12:20PM	SGN	2:10PM	A320	Y	01:50	0
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1265	26-Mar	28-Oct	1234567	VII	1:45PM	SGN	3:35PM	A321	CY	01:50	0
VN1267	26-Mar	28-Oct	1234567	VII	4:35PM	SGN	6:25PM	A321	CY	01:50	0
VN4089*	26-Mar	28-Oct	_234_67	VII	4:35PM	SGN	6:25PM	A320	Y	01:50	0
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN4083*	26-Mar	28-Oct	1234567	VII	8:50PM	SGN	10:40PM	A320	Y	01:50	0
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1269	26-Mar	28-Oct	1234567	VII	9:50PM	SGN	11:40PM	A321	CY	01:50	0

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
TỪ/ĐẾN ↔ ĐÀ NẴNG											
Đà Nẵng ↔ Buôn Ma Thuột											
Từ Đà Nẵng đến Buôn Ma Thuột											
VN4214*	01-Aug	28-Oct	__3_5_7	DAD	1:05PM	BMV	2:05PM	A320	Y	01:00	0
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1911	26-Mar	27-Oct	1_3_5_7	DAD	3:50PM	BMV	5:05PM	ATR72	CY	01:15	0
Từ Buôn Ma Thuột đến Đà Nẵng											
VN4215*	01-Aug	28-Oct	__3_5_7	BMV	2:40PM	DAD	3:40PM	A320	Y	01:00	0
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN1910	26-Mar	27-Oct	1_3_5_7	BMV	5:45PM	DAD	6:55PM	ATR72	CY	01:10	0
Đà Nẵng ↔ Đà Lạt											
Từ Đà Nẵng đến Đà Lạt											
VN1955	26-Mar	26-Oct	1__4__7	DAD	7:00AM	DLI	8:35AM	ATR72	CY	01:35	0
Từ Đà Lạt đến Đà Nẵng											
VN1954	26-Mar	26-Oct	1__4__7	DLI	9:10AM	DAD	10:45AM	ATR72	CY	01:35	0
Đà Nẵng ↔ Hải Phòng											
Từ Đà Nẵng đến Hải Phòng											
VN1672	26-Mar	27-Oct	1_3_5_7	DAD	7:35AM	HPH	8:50AM	A321	CY	01:15	0
VN4208*	01-Aug	28-Oct	_2_4_6_	DAD	1:05PM	HPH	2:20PM	A320	Y	01:15	0
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Từ Hải Phòng đến Đà Nẵng											
VN1673	26-Mar	27-Oct	1_3_5_7	HPH	9:35AM	DAD	10:50AM	A321	CY	01:15	0
VN4209*	01-Aug	28-Oct	_2_4_6_	HPH	2:55PM	DAD	4:10PM	A320	Y	01:15	0
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Đà Nẵng ↔ Nha Trang											
Từ Đà Nẵng đến Nha Trang											
VN1943	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	1:15PM	CXR	2:25PM	A321	CY	01:10	0
Từ Nha Trang đến Đà Nẵng											
VN1942	26-Mar	28-Oct	1234567	CXR	6:25AM	DAD	7:30AM	A321	CY	01:05	0
Đà Nẵng ↔ Pleiku											
Từ Đà Nẵng đến Pleiku											
VN1901	28-Mar	28-Oct	_2_4_6_	DAD	12:10PM	PXU	1:10PM	ATR72	CY	01:00	0
Từ Pleiku đến Đà Nẵng											
VN1900	28-Mar	28-Oct	_2_4_6_	PXU	1:45PM	DAD	2:50PM	ATR72	CY	01:05	0
VN4205*	01-Aug	28-Oct	__34__7	PXU	5:25PM	DAD	6:20PM	A320	Y	00:55	0
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Đà Nẵng ↔ Vinh											
Từ Đà Nẵng đến Vinh											
VN8020*	26-Mar	27-Oct	1_3_5_7	DAD	12:35PM	VII	2:00PM	ATR72	Y	01:25	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
Từ Vinh đến Đà Nẵng											
VN8021*	26-Mar	27-Oct	1_3_5_7	VII	10:40AM	DAD	12:00PM	ATR72	Y	01:20	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
NỘI ĐỊA KHÁC											
Phú Quốc ↔ Cần Thơ											
Từ Phú Quốc đến Cần Thơ											
VN8015*	26-Mar	28-Oct	1234567	PQC	1:20PM	VCA	2:15PM	ATR72	Y	00:55	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
Từ Cần Thơ đến Phú Quốc											
VN8014*	26-Mar	28-Oct	1234567	VCA	11:50AM	PQC	12:45PM	ATR72	Y	00:55	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
Cần Thơ ↔ Côn Đảo											
Từ Cần Thơ đến Côn Đảo											
VN8070*	26-Mar	28-Oct	1234567	VCA	2:45PM	VCS	3:40PM	ATR72	Y	00:55	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
Từ Côn Đảo đến Cần Thơ											
VN8071*	26-Mar	28-Oct	1234567	VCS	10:25AM	VCA	11:20AM	ATR72	Y	00:55	0
* Chuyến bay hợp tác với Vietnam Air Service Company											
Đà Lạt ↔ Huế											
Từ Đà Lạt đến Huế											
VN4224*	26-Mar	28-Oct	1_3_5_7	DLI	9:40AM	HUI	10:50AM	A320	Y	01:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Từ Huế đến Đà Lạt											
4225*	26-Mar	28-Oct	1_3_5_7	HUI	8:00AM	DLI	9:05AM	A320	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Buôn Ma Thuật ↔ Vinh											
Từ Buôn Ma Thuật đến Vinh											
VN4128*	26-Mar	28-Oct	1_3_5_7	BMV	8:40AM	VII	10:05AM	A320	Y	01:25	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Từ Vinh đến Buôn Ma Thuật											
VN4129*	26-Mar	28-Oct	1_3_5_7	VII	10:40AM	BMV	12:05PM	A320	Y	01:25	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Nha Trang ↔ Vinh											
Từ Nha Trang đến Vinh											
VN4156*	26-Mar	28-Oct	12_4_6_	CXR	10:15AM	VII	11:50AM	A320	Y	01:35	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Từ Vinh đến Nha Trang											
VN4157*	26-Mar	28-Oct	12_4_6_	VII	8:10AM	CXR	9:45AM	A320	Y	01:35	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Vinh ↔ Nha Trang											
Từ Nha Trang đến Vinh											
VN4156*	26-Mar	28-Oct	12_4_6_	CXR	10:15AM	VII	11:50AM	A320	Y	01:35	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Từ Vinh đến Nha Trang											
VN4157*	26-Mar	28-Oct	12_4_6_	VII	8:10AM	CXR	9:45AM	A320	Y	01:35	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
✈ QUỐC TẾ											
CHÂU Á											
Ấn Độ											
Delhi ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Delhi											
VN615/3258*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	12:45PM	DEL	11:15PM	A321/B738	CY	12:00	BKK
* Chuyến bay hợp tác với Jet Airways India											
Từ Delhi đến Hà Nội											
VN3259*/ 610	26-Mar	28-Oct	1234567	DEL	11:15PM	HAN	1:55PM	B738/A321	CY	13:10	BKK
* Chuyến bay hợp tác với Jet Airways India											
Delhi ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Delhi											
VN655/3266*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	2:25PM	DEL	11:15PM	A321/B738	CY	10:20	SIN
* Chuyến bay hợp tác với Jet Airways India											
Từ Delhi đến TP. Hồ Chí Minh											
VN3265*/ 658	26-Mar	28-Oct	1234567	DEL	9:45AM	SGN	9:35PM	B738/A321	CY	10:20	SIN
* Chuyến bay hợp tác với Jet Airways India											
Hà Nội ↔ Chennai											
Từ Chennai đến Hà Nội											
VN3269*/ 662	26-Mar	28-Oct	1234567	MAA	2:05AM	HAN	3:25PM	B738/A321	CY	11:50	SIN
* Chuyến bay hợp tác với Jet Airways India											
Mumbai ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Mumbai											
VN611/3252*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	8:50AM	BOM	6:40PM	A321/B738	CY	11:20	BKK
* Chuyến bay hợp tác với Jet Airways India											
Từ Mumbai đến Hà Nội											
VN3251*/ 610	26-Mar	28-Oct	1234567	BOM	1:20AM	HAN	1:55PM	B738/A321	CY	11:05	BKK
* Chuyến bay hợp tác với Jet Airways India											
Mumbai ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Mumbai											
VN655/3260*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	2:25PM	BOM	11:05PM	A321/B738	CY	10:10	SIN
* Chuyến bay hợp tác với Jet Airways India											
Từ Mumbai đến TP. Hồ Chí Minh											
VN3251*/ 600	26-Mar	28-Oct	1234567	BOM	1:20AM	SGN	1:00PM	B738/A321	CY	10:10	BKK
* Chuyến bay hợp tác với Jet Airways India											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN3263*/ 658	26-Mar	28-Oct	1234567	BOM	9:55AM	SGN	9:35PM	B738/A321	CY	10:10	SIN

* Chuyến bay hợp tác với Jet Airways India

TP. Hồ Chí Minh ↔ Chennai											
Từ Chennai đến TP. Hồ Chí Minh											
vn3269*/ 650	26-Mar	28-Oct	1234567	MAA	2:05AM	SGN	2:20PM	B738/A321	CY	10:45	SIN

* Chuyến bay hợp tác với Jet Airways India

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất											
Abu Dhabi ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Abu Dhabi											
VN613/3281*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	4:05PM	AUH	12:10AM	A321/B777	CY	11:05	BKK
* Chuyến bay hợp tác với Etihad Airways											
Từ Abu Dhabi đến Hà Nội											
VN3284*/ 610	26-Mar	27-Oct	1234567	AUH	11:30PM	HAN	1:55PM	B777/A321	CY	11:25	BKK
* Chuyến bay hợp tác với Etihad Airways											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Campuchia											
Phnôm Pênh ↔ Tp. Hồ Chí Minh											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Phnôm Pênh											
VN3851*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	8:30AM	PNH	9:25AM	ATR72	Y	00:55	0
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN3855*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	12:20PM	PNH	1:15PM	ATR72	Y	00:55	0
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN920	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	3:55PM	PNH	4:50PM	A321	CY	00:55	0
VN3853*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:30PM	PNH	7:25PM	ATR72	Y	00:55	0
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
Từ Phnôm Pênh đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN3852*	26-Mar	28-Oct	1234567	PNH	7:00AM	SGN	7:45AM	A320	Y	00:45	0
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN921	26-Mar	28-Oct	1234567	PNH	2:15PM	SGN	3:05PM	A321	CY	00:50	0
VN3856*	26-Mar	28-Oct	1234567	PNH	4:50PM	SGN	5:45PM	ATR72	Y	00:55	0
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN3850*	26-Mar	28-Oct	1234567	PNH	9:15PM	SGN	10:10PM	ATR72	Y	00:55	0
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
Phnom Penh ↔ Viêng Chăn											
Từ Phnom Penh đến Viêng Chăn											
VN920	26-Mar	28-Oct	1234567	PNH	5:50PM	VTE	7:15PM	A321	CY	01:25	0
Sihanoukville ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Sihanoukville											
VN3837*	26-Mar	28-Oct	1_3_5_7	SGN	8:40AM	KOS	9:50AM	ATR72	Y	01:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
Từ Sihanoukville đến TP. Hồ Chí Minh											
VN3836*	26-Mar	28-Oct	1_3_5_7	KOS	10:25AM	SGN	11:35AM	ATR72	Y	01:10	0
* Codeshare flight with Cambodia Angkor Air											
Xiêm Riệp ↔ Đà Nẵng											
Từ Đà Nẵng đến Xiêm Riệp											
VN3829*	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	5:30PM	REP	7:25PM	ATR72	Y	01:55	0
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
Từ Xiêm Riệp đến Đà Nẵng											
VN3828*	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	3:00PM	DAD	4:50PM	ATR72	Y	01:50	0
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Xiêm Riệp ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Xiêm Riệp											
VN837	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	3:25PM	REP	5:10PM	A321	CY	01:45	0
VN839	27-Mar	08-Oct	1234567	HAN	5:25PM	REP	7:10PM	A321	CY	01:45	0
VN835	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	6:05PM	REP	7:50PM	A321	CY	01:45	0
Từ Xiêm Riệp đến Hà Nội											
VN836	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	6:05PM	HAN	7:50PM	A321	CY	01:45	0
VN838	27-Mar	08-Oct	1234567	REP	8:10PM	HAN	9:55PM	A321	CY	01:45	0
VN834	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	8:45PM	HAN	10:30PM	A321	CY	01:45	0
Xiêm Riệp ↔ Luang Prabang											
Từ Xiêm Riệp đến Luang Prabang											
VN930	27-Mar	28-Oct	1_3456_	REP	4:55PM	LPQ	7:05PM	ATR72	CY	01:15	0
Xiêm Riệp ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Xiêm Riệp											
VN3819*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	8:20AM	REP	9:40AM	ATR72	Y	01:20	0
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN3825*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	12:00PM	REP	1:05PM	A320	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN3821*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	4:00PM	REP	5:05PM	A320	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN813	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	4:25PM	REP	5:30PM	A321	CY	01:05	0
VN815	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	7:30PM	REP	8:35PM	A321	CY	01:05	0
Từ Xiêm Riệp đến TP. Hồ Chí Minh											
VN3818*	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	10:10AM	SGN	11:30AM	ATR72	Y	01:20	0
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN3824*	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	1:50PM	SGN	2:55PM	A320	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN812	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	6:20PM	SGN	7:30PM	A321	CY	01:10	0
VN3822*	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	9:15PM	SGN	10:35PM	A320	Y	01:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN814	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	9:35PM	SGN	10:45PM	A321	CY	01:10	0

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Đài Loan											
Cao Hùng ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Cao Hùng											
VN586	25-Mar	27-Oct	1234567	HAN	6:35PM	KHH	10:00PM	A321	CY	02:25	0
Từ Cao Hùng đến Hà Nội											
VN587	26-Mar	28-Oct	1234567	KHH	8:40AM	HAN	10:15AM	A321	CY	02:35	0
Cao Hùng ↔ Tp. Hồ Chí Minh											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Cao Hùng											
VN582	26-Mar	27-Oct	_2__5_7	SGN	9:45AM	KHH	1:50PM	A321	CY	03:05	0
VN580	25-Mar	27-Oct	1234567	SGN	5:50PM	KHH	9:50PM	A321	CY	03:00	0
Từ Cao Hùng đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN581	26-Mar	28-Oct	1234567	KHH	7:30AM	SGN	9:30AM	A321	CY	03:00	0
VN583	26-Mar	27-Oct	_2__5_7	KHH	2:50PM	SGN	4:50PM	A321	CY	03:00	0
Đài Bắc ↔ Đà Nẵng											
Từ Đà Nẵng đến Đài Bắc											
VN4294*	26-Mar	28-Oct	_2_45_7	DAD	8:35AM	TPE	12:10PM	A320	Y	02:35	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Từ Đài Bắc đến Đà Nẵng											
VN4295*	26-Mar	28-Oct	_2_45_7	TPE	1:10PM	DAD	2:45PM	A320	Y	02:35	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Đài Bắc ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Đài Bắc											
VN576	28-Mar	28-Oct	_23_56_	HAN	8:15AM	TPE	12:05PM	A321	CY	02:50	0
VN578	25-Mar	27-Oct	1234567	HAN	5:20PM	TPE	9:10PM	A321	CY	02:50	0
Từ Đài Bắc đến Hà Nội											
VN579	26-Mar	28-Oct	1234567	TPE	7:30AM	HAN	9:30AM	A321	CY	03:00	0
VN577	28-Mar	28-Oct	_23_56_	TPE	1:30PM	HAN	3:30PM	A321	CY	03:00	0
Đài Bắc ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Đài Bắc											
VN570	25-Mar	27-Oct	1234567	SGN	4:25PM	TPE	9:05PM	A321	CY	03:40	0
Từ Đài Bắc đến TP. Hồ Chí Minh											
VN571	26-Mar	28-Oct	1234567	TPE	7:45AM	SGN	10:20AM	A321	CY	03:35	0

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Hàn Quốc											
Busan ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Busan											
VN426	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	12:40AM	PUS	6:30AM	A330	CY	03:50	0
Từ Busan đến Hà Nội											
VN427	26-Mar	28-Oct	1234567	PUS	10:30AM	HAN	12:45PM	A330	CY	04:15	0
Busan ↔ Luang Prabang											
Từ Luang Prabang đến Busan											
VN930/ 426	26-Mar	28-Oct	1234567	LPQ	7:55PM	PUS	6:30AM	ATR72/A330	CY		HAN
Từ Busan đến Luang Prabang											
VN427/2905*	26-Mar	28-Oct	1234567	PUS	10:30AM	LPQ	7:50PM	A330/ATR72	CY		HAN
* Chuyển bay hợp tác với Lao Airlines											
Busan ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Busan											
VN422	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	12:05AM	PUS	6:50AM	A330	CY	04:45	SGN
Từ Busan đến TP. Hồ Chí Minh											
VN423	26-Mar	28-Oct	1234567	PUS	10:00AM	SGN	1:00PM	A330	CY	05:00	SGN
Busan ↔ Xiêm Riệp											
Từ Busan đến Xiêm Riệp											
VN423/ 813	26-Mar	28-Oct	1234567	PUS	10:00AM	REP	5:30PM	A330/A321	CY		SGN
VN423/ 815	26-Mar	28-Oct	1234567	PUS	10:00AM	REP	8:35PM	A330/A321	CY		SGN
VN423/3821*	26-Mar	28-Oct	1234567	PUS	10:00AM	REP	5:05PM	A330/A320	CY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN427/ 835	26-Mar	28-Oct	1234567	PUS	10:30AM	REP	7:50PM	A330/A321	CY		HAN
VN427/ 837	26-Mar	28-Oct	1234567	PUS	10:30AM	REP	5:10PM	A330/A321	CY		HAN
VN427/ 839	26-Mar	28-Oct	1234567	PUS	10:30AM	REP	7:10PM	A330/A321	CY		HAN
Từ Xiêm Riệp đến Busan											
VN3818*/ 422	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	10:10AM	PUS	6:50AM	ATR72/A330	CY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN3824*/ 422	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	1:50PM	PUS	6:50AM	A320/A330	CY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN836/ 426	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	6:05PM	PUS	6:30AM	A321/A330	CY		HAN
VN812/ 422	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	6:20PM	PUS	6:50AM	A321/A330	CY		SGN
VN838/ 426	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	8:10PM	PUS	6:30AM	A321/A330	CY		HAN
VN834/ 426	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	8:45PM	PUS	6:30AM	A321/A330	CY		HAN
VN3822*/ 422	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	9:15PM	PUS	6:50AM	A320/A330	CY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN814/ 422	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	9:35PM	PUS	6:50AM	A321/A330	CY		SGN

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Busan ↔ Yangon											
Từ Busan đến Yangon											
VN427/ 957	26-Mar	28-Oct	1234567	PUS	10:30AM	RGN	6:10PM	A330/A321	CY		HAN
Từ Yangon đến Busan											
VN956/ 426	26-Mar	28-Oct	1234567	RGN	7:10PM	PUS	6:30AM	A321/A330	CY		HAN
Seoul ↔ Đà Nẵng											
Từ Đà Nẵng đến Seoul											
VN430	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	12:10AM	ICN	6:40AM	A321	CY	04:30	0
VN3440*	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	11:15PM	ICN	5:30AM +1	A330	CIY	04:15	0
* Chuyến bay hợp tác với Korean Air Lines											
Từ Seoul đến Đà Nẵng											
VN431	26-Mar	28-Oct	1234567	ICN	11:20AM	DAD	2:10PM	A321	CY	04:50	0
VN3441*	26-Mar	28-Oct	1234567	ICN	6:40PM	DAD	9:45PM	A330	CIY	05:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Korean Air Lines											
Seoul ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Seoul											
VN414	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	10:20AM	ICN	4:35PM	A321	CY	04:15	0
VN3412*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	12:35PM	ICN	6:45PM	B737	CY	04:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Korean Air Lines											
VN3410*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	11:10PM	ICN	5:05AM +1	A330	CIY	03:55	0
* Chuyến bay hợp tác với Korean Air Lines											
VN416	25-Mar	27-Oct	1234567	HAN	11:45PM	ICN	5:50AM +1	A350	CY	04:05	0
Từ Seoul đến Hà Nội											
VN3415*	26-Mar	28-Oct	1234567	ICN	8:10AM	HAN	11:15AM	B737	CY	05:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Korean Air Lines											
VN417	26-Mar	28-Oct	1234567	ICN	10:05AM	HAN	12:25PM	A350	CY	04:20	0
VN415	26-Mar	28-Oct	1234567	ICN	6:05PM	HAN	8:40PM	A321	CY	04:35	0
VN3411*	26-Mar	28-Oct	1234567	ICN	6:40PM	HAN	9:40PM	A330	CIY	05:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Korean Air Lines											
Seoul ↔ Luang Prabang											
Từ Seoul đến Luang Prabang											
VN417/2905*	26-Mar	28-Oct	1234567	ICN	10:05AM	LPQ	7:50PM	A350/ATR72	CY		HAN
* Chuyến bay hợp tác với Lao Airlines											
Từ Luang Prabang đến Seoul											
VN930/ 416	25-Mar	27-Oct	1234567	LPQ	7:55PM	ICN	5:50AM +1	ATR72/A350	CY		HAN

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh			Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Seoul ↔ TP. Hồ Chí Minh												
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Seoul												
VN404	27-Mar	28-Oct	1234567	SGN	9:10AM	ICN	4:25PM	A321		CY	05:15	0
VN3402*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	1:05PM	ICN	8:15PM	B737		CY	05:10	0
* Chuyến bay hợp tác với Korean Air Lines												
VN3400*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	11:05PM	ICN	5:55AM	+1	A330	CIY	04:50	0
* Chuyến bay hợp tác với Korean Air Lines												
VN408	25-Mar	27-Oct	1234567	SGN	11:45PM	ICN	6:40AM	+1	A350	CY	04:55	0
Từ Seoul đến TP. Hồ Chí Minh												
VN3403*	26-Mar	28-Oct	1234567	ICN	8:10AM	SGN	12:00PM	B737		CY	05:50	0
* Chuyến bay hợp tác với Korean Air Lines												
VN409	26-Mar	28-Oct	1234567	ICN	10:15AM	SGN	1:15PM	A350		CY	05:00	0
VN405	27-Mar	28-Oct	1234567	ICN	5:55PM	SGN	9:15PM	A321		CY	05:20	0
VN3401*	26-Mar	28-Oct	1234567	ICN	6:10PM	SGN	9:45PM	A330		CIY	05:35	0
* Chuyến bay hợp tác với Korean Air Lines												
Seoul ↔ Xiêm Riệp												
Từ Seoul đến Xiêm Riệp												
VN417/ 835	26-Mar	28-Oct	1234567	ICN	10:05AM	REP	7:50PM	A350/A321		CY		HAN
VN417/ 837	26-Mar	28-Oct	1234567	ICN	10:05AM	REP	5:10PM	A350/A321		CY		HAN
VN417/ 839	26-Mar	28-Oct	1234567	ICN	10:05AM	REP	7:10PM	A350/A321		CY		HAN
VN409/ 813	26-Mar	28-Oct	1234567	ICN	10:15AM	REP	5:30PM	A350/A321		CY		SGN
VN409/ 815	26-Mar	28-Oct	1234567	ICN	10:15AM	REP	8:35PM	A350/A321		CY		SGN
VN409/3821*	26-Mar	28-Oct	1234567	ICN	10:15AM	REP	5:05PM	A350/A320		CY		SGN
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air												
VN431/3829*	26-Mar	28-Oct	1234567	ICN	11:20AM	REP	7:25PM	A321/ATR72		CY		DAD
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air												
Từ Xiêm Riệp đến Seoul												
VN3818*/ 408	25-Mar	27-Oct	1234567	REP	10:10AM	ICN	6:40AM	+1	ATR72/A350	CY		SGN
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air												
VN3824*/ 408	25-Mar	27-Oct	1234567	REP	1:50PM	ICN	6:40AM	+1	A320/A350	CY		SGN
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air												
VN3828*/ 430	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	3:00PM	ICN	6:40AM	ATR72/A321		CY		DAD
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air												
VN836/ 416	25-Mar	27-Oct	1234567	REP	6:05PM	ICN	5:50AM	+1	A321/A350	CY		HAN
VN812/ 408	25-Mar	27-Oct	1234567	REP	6:20PM	ICN	6:40AM	+1	A321/A350	CY		SGN
VN838/ 416	25-Mar	27-Oct	1234567	REP	8:10PM	ICN	5:50AM	+1	A321/A350	CY		HAN

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh			Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN834/ 416	25-Mar	27-Oct	1234567	REP	8:45PM	ICN	5:50AM	+1	A321/A350	CY		HAN
VN3822*/ 408	25-Mar	27-Oct	1234567	REP	9:15PM	ICN	6:40AM	+1	A320/A350	CY		SGN

* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air

Seoul ↔ Yangon												
Từ Seoul đến Yangon												
VN417/ 957	26-Mar	28-Oct	1234567	ICN	10:05AM	RGN	6:10PM		A350/A321	CY		HAN
Từ Yangon đến Seoul												
VN956/ 416	25-Mar	27-Oct	1234567	RGN	7:10PM	ICN	5:50AM	+1	A321/A350	CY		HAN

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Hong Kong											
Hong Kong ↔ Đà Nẵng											
Từ Đà Nẵng đến Hong Kong											
VN4276*	26-Mar	28-Oct	12__6_	DAD	10:10AM	HKG	12:55PM	A320	Y	01:45	0
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Từ Hong Kong đến Đà Nẵng											
VN4277*	26-Mar	28-Oct	12__6_	HKG	2:05PM	DAD	2:50PM	A320	Y	01:45	0
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
Hong Kong ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Hong Kong											
VN4270*	26-Mar	28-Oct	12_4_67	HAN	9:35AM	HKG	12:25PM	A320	Y	01:50	0
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN592	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	10:30AM	HKG	1:30PM	A321	CY	02:00	0
Từ Hong Kong đến Hà Nội											
VN4271*	26-Mar	28-Oct	12_4_67	HKG	1:25PM	HAN	2:25PM	A320	Y	02:00	0
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN593	26-Mar	28-Oct	1234567	HKG	2:30PM	HAN	3:35PM	A321	CY	02:05	0
Hong Kong ↔ Tp. Hồ Chí Minh											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Hong Kong											
VN3564*	27-Mar	28-Oct	1__456_	SGN	6:15AM	HKG	9:55AM	A330	CY	02:40	0
* Chuyển bay hợp tác với Cathay Pacific Airways											
VN594	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	10:35AM	HKG	2:20PM	A321	CY	02:45	0
VN3562*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	11:15AM	HKG	3:10PM	A330	CY	02:55	0
* Chuyển bay hợp tác với Cathay Pacific Airways											
VN4272*	26-Mar	28-Oct	12__56_	SGN	1:45PM	HKG	5:20PM	A320	Y	02:35	0
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN598	26-Mar	26-Oct	_2_4__7	SGN	5:05PM	HKG	8:50PM	A321	CY	02:45	0
VN3560*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	7:05PM	HKG	10:50PM	A350	CY	02:45	0
* Chuyển bay hợp tác với Cathay Pacific Airways											
Từ Hong Kong đến TP. Hồ Chí Minh											
VN599	29-Mar	27-Oct	1_3_5__	HKG	7:55AM	SGN	9:35AM	A321	CY	02:40	0
VN3563*	26-Mar	28-Oct	1234567	HKG	8:35AM	SGN	10:10AM	A330	CY	02:35	0
* Chuyển bay hợp tác với Cathay Pacific Airways											
VN595	26-Mar	28-Oct	1234567	HKG	3:20PM	SGN	5:00PM	A321	CY	02:40	0
VN3561*	26-Mar	28-Oct	1234567	HKG	4:20PM	SGN	5:55PM	A330	CY	02:35	0
* Chuyển bay hợp tác với Cathay Pacific Airways											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN4273*	26-Mar	28-Oct	12__56_	HKG	6:20PM	SGN	7:50PM	A320	Y	02:30	0

* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines

VN3565*	29-Mar	27-Oct	__345_7	HKG	10:30PM	SGN	12:05AM +1	A350	CY	02:35	0
---------	--------	--------	---------	-----	---------	-----	------------	------	----	-------	---

* Chuyến bay hợp tác với Cathay Pacific Airways

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật
 C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông
 Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực
 Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Indonesia											
Jakarta ↔ Tp. Hồ Chí Minh											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Jakarta											
VN631	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	9:50AM	CGK	1:00PM	A321	CY	03:10	0
Từ Jakarta đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN630	26-Mar	28-Oct	1234567	CGK	1:45PM	SGN	5:05PM	A321	CY	03:20	0

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Lào											
Luang Prabang ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Luang Prabang											
VN931	27-Mar	28-Oct	1_3456_	HAN	11:40AM	LPQ	1:00PM	ATR72	CY	01:20	0
VN2905*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	6:50PM	LPQ	7:50PM	ATR72	Y	01:00	0
* Chuyển bay hợp tác với Lao Airlines											
Từ Luang Prabang đến Hà Nội											
VN930	27-Mar	28-Oct	1_3456_	LPQ	7:55PM	HAN	9:10PM	ATR72	CY	01:15	0
Phnom Penh ↔ Viêng Chăn											
Từ Viêng Chăn đến Phnom Penh											
VN921	26-Mar	28-Oct	1234567	VTE	11:50AM	PNH	1:15PM	A321	CY	01:25	0
Viêng Chăn ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Viêng Chăn											
VN921	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	9:55AM	VTE	11:05AM	A321	CY	01:10	0
VN2897*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	4:40PM	VTE	5:50PM	A320	Y	01:10	0
* Chuyển bay hợp tác với Lao Airlines											
Từ Viêng Chăn đến Hà Nội											
VN2896*	26-Mar	28-Oct	1234567	VTE	2:40PM	HAN	3:50PM	A320	Y	01:10	0
* Chuyển bay hợp tác với Lao Airlines											
VN920	26-Mar	28-Oct	1234567	VTE	8:00PM	HAN	9:10PM	A321	CY	01:10	0
Xiêm Riệp ↔ Luang Prabang											
Từ Luang Prabang đến Xiêm Riệp											
VN931	27-Mar	28-Oct	1_3456_	LPQ	1:50PM	REP	4:05PM	ATR72	CY	01:20	0

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng	
Malaysia												
Kuala Lumpur ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến Kuala Lumpur												
VN681	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	2:45PM	KUL	7:00PM	A321	CY	03:15	0	
Từ Kuala Lumpur đến Hà Nội												
VN680	26-Mar	28-Oct	1234567	KUL	7:10PM	HAN	9:25PM	A321	CY	03:15	0	
Kuala Lumpur ↔ Tp. Hồ Chí Minh												
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Kuala Lumpur												
VN675	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	3:05PM	KUL	6:05PM	A321	CY	02:00	0	
Từ Kuala Lumpur đến Tp. Hồ Chí Minh												
674	26-Mar	28-Oct	1234567	KUL	8:00PM	SGN	9:00PM	A321	CY	02:00	0	

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Myanmar											
Yangon ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Yangon											
VN957	26-Mar	28-Oct	1_3_567	HAN	4:45PM	RGN	6:10PM	A321	CY	01:55	0
Từ Yangon đến Hà Nội											
VN956	26-Mar	28-Oct	1_3_567	RGN	7:10PM	HAN	9:40PM	A321	CY	02:00	0

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Nhật Bản											
Akita ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Akita											
VN384/3389*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	8:15AM	AXT	7:15PM	A350/B738	CY	8:00	HND
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways											
Từ Akita đến Hà Nội											
VN3388*/ 385	26-Mar	28-Oct	1234567	AXT	11:55AM	HAN	7:40PM	B763/A350	CY	9:45	HND
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways											
Fukuoka ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Fukuoka											
VN356	28-Mar	28-Oct	12__56_	HAN	1:15AM	FUK	7:20AM	A321	CY	04:05	0
Từ Fukuoka đến Hà Nội											
VN357	28-Mar	28-Oct	12__56_	FUK	10:30AM	HAN	12:45PM	A321	CY	04:15	0
Fukuoka ↔ Luang Prabang											
Từ Fukuoka đến Luang Prabang											
VN357/2905*	28-Mar	28-Oct	12__56_	FUK	10:30AM	LPQ	7:50PM	A321/ATR72	CY		HAN
* Chuyển bay hợp tác với Lao Airlines											
Từ Luang Prabang đến Fukuoka											
VN930/ 356	28-Mar	28-Oct	12__56_	LPQ	7:55PM	FUK	7:20AM	ATR72/A321	CY		HAN
Fukuoka ↔ Tp. Hồ Chí Minh											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Fukuoka											
VN350	26-Mar	26-Oct	__34__7	SGN	12:20AM	FUK	7:20AM	A321	CY	05:00	0
Từ Fukuoka đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN351	26-Mar	26-Oct	__34__7	FUK	10:30AM	SGN	1:50PM	A321	CY	05:05	0
Fukuoka ↔ Xiêm Riệp											
Từ Fukuoka đến Xiêm Riệp											
VN351/ 813	26-Mar	26-Oct	__34__7	FUK	10:30AM	REP	5:30PM	A321/A321	CY		SGN
VN351/ 815	26-Mar	26-Oct	__34__7	FUK	10:30AM	REP	8:35PM	A321/A321	CY		SGN
VN351/3821*	26-Mar	26-Oct	__34__7	FUK	10:30AM	REP	5:05PM	A321/A320	CY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN357/ 835	28-Mar	28-Oct	12__56_	FUK	10:30AM	REP	7:50PM	A321/A321	CY		HAN
VN357/ 837	28-Mar	28-Oct	12__56_	FUK	10:30AM	REP	5:10PM	A321/A321	CY		HAN
VN357/ 839	28-Mar	28-Oct	12__56_	FUK	10:30AM	REP	7:10PM	A321/A321	CY		HAN
Từ Xiêm Riệp đến Fukuoka											
VN3818*/ 350	26-Mar	26-Oct	__34__7	REP	10:10AM	FUK	7:20AM	ATR72/A321	CY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN3824*/ 350	26-Mar	26-Oct	__34__7	REP	1:50PM	FUK	7:20AM	A320/A321	CY		SGN
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN836/ 356	28-Mar	28-Oct	12__56__	REP	6:05PM	FUK	7:20AM	A321/A321	CY		HAN
VN812/ 350	26-Mar	26-Oct	__34__7	REP	6:20PM	FUK	7:20AM	A321/A321	CY		SGN
VN838/ 356	28-Mar	28-Oct	12__56__	REP	8:10PM	FUK	7:20AM	A321/A321	CY		HAN
VN834/ 356	28-Mar	28-Oct	12__56__	REP	8:45PM	FUK	7:20AM	A321/A321	CY		HAN
VN3822*/ 350	26-Mar	26-Oct	__34__7	REP	9:15PM	FUK	7:20AM	A320/A321	CY		SGN
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN814/ 350	26-Mar	26-Oct	__34__7	REP	9:35PM	FUK	7:20AM	A321/A321	CY		SGN
Fukuoka ↔ Yangon											
Từ Fukuoka đến Yangon											
VN357/ 957	28-Mar	28-Oct	12__56__	FUK	10:30AM	RGN	6:10PM	A321/A321	CY		HAN
Từ Yangon đến Fukuoka											
VN956/ 356	28-Mar	28-Oct	12__56__	RGN	7:10PM	FUK	7:20AM	A321/A321	CY		HAN
Hiroshima ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Hiroshima											
VN384/3393*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	8:15AM	HIJ	6:25PM	A350/A321	CY	8:10	HND
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
Từ Hiroshima đến Hà Nội											
VN3392*/ 385	26-Mar	28-Oct	1234567	HIJ	1:00PM	HAN	7:40PM	B788/A350	CY	8:40	HND
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
Komatsu ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Komatsu											
VN384/3391*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	8:15AM	KMQ	8:50PM	A350/B738	CY	10:35	HND
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
Từ Komatsu đến Hà Nội											
VN3390*/ 385	26-Mar	28-Oct	1234567	KMQ	10:15AM	HAN	7:40PM	A321/A350	CY	11:25	HND
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
Matsuyama ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Matsuyama											
VN346/3488*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	12:25AM	MYJ	1:40PM	A321/DH8	CY	11:15	NGO
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
Matsuyama ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Matsuyama											
340/3488*	26-Mar	28-Oct	_2_4567	SGN	12:15AM	MYJ	1:40PM	A321/DH8	CY	11:25	NGO
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Nagoya ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Nagoya											
VN346	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	12:25AM	NGO	6:55AM	A321	CY	04:30	
VN310/3481*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	12:30AM	NGO	6:10PM	B787/B738	CY	15:40	NRT
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways											
Từ Nagoya đến Hà Nội											
VN347	26-Mar	28-Oct	1234567	NGO	10:15AM	HAN	1:40PM	A321	CY	05:25	0
Nagoya ↔ Luang Prabang											
Từ Luang Prabang đến Nagoya											
VN930/ 346	26-Mar	28-Oct	1234567	LPQ	7:55PM	NGO	6:55AM	ATR72/A321	CY		HAN
Từ Nagoya đến Luang Prabang											
VN347/2905*	26-Mar	28-Oct	1234567	NGO	10:15AM	LPQ	7:50PM	A321/ATR72	CY		HAN
* Chuyển bay hợp tác với Lao Airlines											
Nagoya ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Nagoya											
VN340	26-Mar	28-Oct	_2_4567	SGN	12:15AM	NGO	7:30AM	A321	CY	05:15	
VN302/3481*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:10AM	NGO	6:10PM	A321/B738	CY	10:00	NRT
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways											
Từ Nagoya đến TP. Hồ Chí Minh											
VN341	26-Mar	28-Oct	_2_4567	NGO	10:00AM	SGN	1:35PM	A321	CY	05:35	
VN3480*/ 303	26-Mar	28-Oct	1234567	NGO	2:25PM	SGN	11:15PM	B738/A321	CY	11:10	NRT
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways											
Nagoya ↔ Xiêm Riệp											
Từ Nagoya đến Xiêm Riệp											
VN341/ 813	26-Mar	28-Oct	_2_4567	NGO	10:00AM	REP	5:30PM	A321/A321	CY		SGN
VN341/ 815	26-Mar	28-Oct	_2_4567	NGO	10:00AM	REP	8:35PM	A321/A321	CY		SGN
VN341/3821*	26-Mar	28-Oct	_2_4567	NGO	10:00AM	REP	5:05PM	A321/A320	CY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN347/ 835	26-Mar	28-Oct	1234567	NGO	10:15AM	REP	7:50PM	A321/A321	CY		HAN
VN347/ 837	26-Mar	28-Oct	1234567	NGO	10:15AM	REP	5:10PM	A321/A321	CY		HAN
VN347/ 839	26-Mar	28-Oct	1234567	NGO	10:15AM	REP	7:10PM	A321/A321	CY		HAN
Từ Xiêm Riệp đến Nagoya											
VN3818*/ 340	26-Mar	28-Oct	_2_4567	REP	10:10AM	NGO	7:30AM	ATR72/A321	CY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN3824*/ 340	26-Mar	28-Oct	_2_4567	REP	1:50PM	NGO	7:30AM	A320/A321	CY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN836/ 346	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	6:05PM	NGO	6:55AM	A321/A321	CY		HAN

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN812/ 340	26-Mar	28-Oct	_2_4567	REP	6:20PM	NGO	7:30AM	A321/A321	CY		SGN
VN838/ 346	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	8:10PM	NGO	6:55AM	A321/A321	CY		HAN
VN834/ 346	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	8:45PM	NGO	6:55AM	A321/A321	CY		HAN
VN3822*/ 340	26-Mar	28-Oct	_2_4567	REP	9:15PM	NGO	7:30AM	A320/A321	CY		SGN
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN814/ 340	26-Mar	28-Oct	_2_4567	REP	9:35PM	NGO	7:30AM	A321/A321	CY		SGN
Nagoya ↔ Yangon											
Từ Nagoya đến Yangon											
VN347/ 957	26-Mar	28-Oct	1234567	NGO	10:15AM	RGN	6:10PM	A321/A321	CY		HAN
Từ Yangon đến Nagoya											
VN956/ 346	26-Mar	28-Oct	1234567	RGN	7:10PM	NGO	6:55AM	A321/A321	CY		HAN
Niigata ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Niigata											
VN310/3349*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	12:30AM	KIJ	6:45PM	B787/DH8	CY	16:15	NRT
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
Niigata ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Niigata											
VN302/3349*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:10AM	KIJ	6:45PM	A321/DH8	CY	10:35	NRT
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
Từ Niigata đến TP. Hồ Chí Minh											
VN3348*/ 303	26-Mar	28-Oct	1234567	KIJ	2:30PM	SGN	11:15PM	DH8/A321	CY	11:05	NRT
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
Okayama ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Okayama											
VN384/3355*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	8:15AM	OKJ	7:20PM	A350/A321	CY	9:05	HND
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
Từ Okayama đến Hà Nội											
VN3354*/ 385	26-Mar	28-Oct	1234567	OKJ	12:20PM	HAN	7:40PM	B763/A350	CY	9:20	HND
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
Okinawa ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Okinawa											
VN384/3377*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	8:15AM	OKA	7:50PM	A350/B763	CY	9:35	HND
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
Từ Okinawa đến Hà Nội											
VN3376*/ 385	26-Mar	28-Oct	1234567	OKA	11:25AM	HAN	7:40PM	B772/A350	CY	10:15	HND
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Osaka ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Osaka											
VN330	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	12:15AM	KIX	6:40AM	B787	CY	04:25	0
VN356/3490*	26-Mar	28-Oct	12__56_	HAN	1:15AM	ITM	5:35PM	A321/DH8	CY	14:20	FUK
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways											
Từ Osaka đến Hà Nội											
VN3491*/ 357	26-Mar	28-Oct	12__56_	ITM	7:05AM	HAN	12:45PM	B735/A321	CY	7:40	FUK
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways											
VN331	26-Mar	28-Oct	1234567	KIX	10:30AM	HAN	12:55PM	B787	CY	04:25	0
Osaka ↔ Luang Prabang											
Từ Osaka đến Luang Prabang											
331/2905*	26-Mar	28-Oct	1234567	KIX	10:30AM	LPQ	7:50PM	B787/ATR72	CY		HAN
* Chuyển bay hợp tác với Lao Airlines											
Từ Luang Prabang đến Osaka											
VN930/ 330	26-Mar	28-Oct	1234567	LPQ	7:55PM	KIX	6:40AM	ATR72/B787	CY		HAN
Osaka ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Osaka											
VN320	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	12:20AM	KIX	7:20AM	A350	CY	05:00	0
VN302/3361*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:10AM	ITM	6:20PM	A321/B738	CY	10:10	NRT
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways											
Từ Osaka đến TP. Hồ Chí Minh											
VN3360*/ 303	26-Mar	28-Oct	1234567	ITM	2:10PM	SGN	11:15PM	B738/A321	CY	11:25	NRT
* Chuyển bay hợp tác với All Nippon Airways											
VN321	26-Mar	28-Oct	1234567	KIX	10:30AM	SGN	2:00PM	A350	CY	05:30	0
Osaka ↔ Xiêm Riệp											
Từ Osaka đến Xiêm Riệp											
VN321/ 813	26-Mar	28-Oct	1234567	KIX	10:30AM	REP	5:30PM	A350/A321	CY		SGN
VN321/ 815	26-Mar	28-Oct	1234567	KIX	10:30AM	REP	8:35PM	A350/A321	CY		SGN
VN321/3821*	26-Mar	28-Oct	1234567	KIX	10:30AM	REP	5:05PM	A350/A320	CY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN331/ 835	26-Mar	28-Oct	1234567	KIX	10:30AM	REP	7:50PM	B787/A321	CY		HAN
VN331/ 837	26-Mar	28-Oct	1234567	KIX	10:30AM	REP	5:10PM	B787/A321	CY		HAN
VN331/ 839	26-Mar	28-Oct	1234567	KIX	10:30AM	REP	7:10PM	B787/A321	CY		HAN
Từ Xiêm Riệp đến Osaka											
VN3818*/ 320	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	10:10AM	KIX	7:20AM	ATR72/A350	CY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN3824*/ 320	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	1:50PM	KIX	7:20AM	A320/A350	CY		SGN
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN836/ 330	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	6:05PM	KIX	6:40AM	A321/B787	CY		HAN
VN812/ 320	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	6:20PM	KIX	7:20AM	A321/A350	CY		SGN
VN838/ 330	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	8:10PM	KIX	6:40AM	A321/B787	CY		HAN
VN834/ 330	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	8:45PM	KIX	6:40AM	A321/B787	CY		HAN
VN3822*/ 320	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	9:15PM	KIX	7:20AM	A320/A350	CY		SGN
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN814/ 320	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	9:35PM	KIX	7:20AM	A321/A350	CY		SGN
Osaka ↔ Yangon											
Từ Osaka đến Yangon											
VN331/ 957	26-Mar	28-Oct	1234567	KIX	10:30AM	RGN	6:10PM	B787/A321	CY		HAN
Từ Yangon đến Osaka											
VN956/ 330	26-Mar	28-Oct	1234567	RGN	7:10PM	KIX	6:40AM	A321/B787	CY		HAN
Sapporo ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Sapporo											
VN356/3369*	26-Mar	28-Oct	12__56_	HAN	1:15AM	CTS	1:55PM	A321/B772	CY	10:40	FUK
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
Từ Sapporo đến Hà Nội											
VN3372*/ 385	26-Mar	28-Oct	1234567	CTS	12:30PM	HAN	7:40PM	B772/A350	CY	9:10	HND
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
Sapporo ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Sapporo											
VN350/3369*	26-Mar	28-Oct	__34__7	SGN	12:20AM	CTS	1:55PM	A321/B772	CY	11:35	FUK
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
VN302/3351*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:10AM	CTS	7:45PM	A321/B738	CY	11:35	NRT
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
Từ Sapporo đến TP. Hồ Chí Minh											
VN3350*/ 303	26-Mar	28-Oct	1234567	CTS	1:30PM	SGN	11:15PM	B738/A321	CY	12:05	NRT
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
Sendai ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Sendai											
310/3343*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	12:30AM	SDJ	7:45PM	B787/B735	CY	17:15	NRT
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Sendai ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Sendai											
VN302/3343*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:10AM	SDJ	7:45PM	A321/B735	CY	11:35	NRT
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
Từ Sendai đến TP. Hồ Chí Minh											
VN3342*/ 303	26-Mar	28-Oct	1234567	SDJ	2:55PM	SGN	11:15PM	B735/A321	CY	10:40	NRT
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
Shonai ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Shonai											
VN384/3353*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	8:15AM	SYO	9:20PM	A350/A321	CY	11:05	HND
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
Từ Shonai đến Hà Nội											
VN3352*/ 385	26-Mar	28-Oct	1234567	SYO	12:50PM	HAN	7:40PM	A320/A350	CY	8:50	HND
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
Tokyo ↔ Đà Nẵng											
Từ Đà Nẵng đến Tokyo											
VN318	26-Mar	28-Oct	1234567	DAD	10:30AM	NRT	6:00PM	A321	CY	05:30	0
Từ Tokyo đến Đà Nẵng											
VN319	26-Mar	28-Oct	1234567	NRT	3:25PM	DAD	6:55PM	A321	CY	05:30	0
Tokyo ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Tokyo											
VN346/3480*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	12:25AM	NRT	3:40PM	A321/B738	CY	13:15	NGO
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
VN310	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	12:30AM	NRT	7:35AM	B787	CY	05:05	0
VN384	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	8:15AM	HND	3:05PM	A350	CY	04:50	0
VN3358*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	3:05PM	HND	10:15PM	B789	CY	05:10	0
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
Từ Tokyo đến Hà Nội											
VN3359*	26-Mar	28-Oct	1234567	HND	8:55AM	HAN	12:25PM	B789	CY	05:30	0
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
VN385	26-Mar	28-Oct	1234567	HND	4:35PM	HAN	7:40PM	A350	CY	05:05	0
VN311	26-Mar	28-Oct	1234567	NRT	10:00AM	HAN	1:05PM	B787	CY	05:05	0
Tokyo ↔ Luang Prabang											
Từ Luang Prabang đến Tokyo											
VN930/ 310	26-Mar	28-Oct	1234567	LPQ	7:55PM	NRT	7:35AM	ATR72/B787	CY		HAN

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Từ Tokyo đến Luang Prabang											
VN311/2905*	26-Mar	28-Oct	1234567	NRT	10:00AM	LPQ	7:50PM	B787/ATR72	CY		HAN
* Chuyến bay hợp tác với Lao Airlines											
Tokyo ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Tokyo											
VN300	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	12:15AM	NRT	8:00AM	B787	CY	05:45	0
VN340/3480*	26-Mar	28-Oct	_2_4567	SGN	12:15AM	NRT	3:40PM	A321/B738	CY	13:25	NGO
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
VN302	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	6:10AM	NRT	2:25PM	A321	CY	06:15	0
VN3308*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	7:00AM	NRT	3:00PM	B763	CY	06:00	0
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
VN3306*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	10:25PM	NRT	6:25AM +1	B763	CY	06:00	0
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
Từ Tokyo đến TP. Hồ Chí Minh											
VN301	26-Mar	28-Oct	1234567	NRT	9:30AM	SGN	1:15PM	B787	CY	05:45	0
VN3307*	26-Mar	28-Oct	1234567	NRT	4:40PM	SGN	9:05PM	B763	CY	06:25	0
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
VN3309*	26-Mar	28-Oct	1234567	NRT	6:55PM	SGN	11:25PM	B763	CY	06:30	0
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
VN303	26-Mar	28-Oct	1234567	NRT	7:00PM	SGN	11:15PM	A321	CY	06:35	0
Tokyo ↔ Xiêm Riệp											
Từ Tokyo đến Xiêm Riệp											
VN301/ 813	26-Mar	28-Oct	1234567	NRT	9:30AM	REP	5:30PM	B787/A321	CY		SGN
VN301/ 815	26-Mar	28-Oct	1234567	NRT	9:30AM	REP	8:35PM	B787/A321	CY		SGN
VN301/3821*	26-Mar	28-Oct	1234567	NRT	9:30AM	REP	5:05PM	B787/A320	CY		SGN
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN311/ 835	26-Mar	28-Oct	1234567	NRT	10:00AM	REP	7:50PM	B787/A321	CY		HAN
VN311/ 837	26-Mar	28-Oct	1234567	NRT	10:00AM	REP	5:10PM	B787/A321	CY		HAN
VN311/ 839	26-Mar	28-Oct	1234567	NRT	10:00AM	REP	7:10PM	B787/A321	CY		HAN
Từ Xiêm Riệp đến Tokyo											
VN3818*/ 300	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	10:10AM	NRT	8:00AM	ATR72/B787	CY		SGN
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN3824*/ 300	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	1:50PM	NRT	8:00AM	A320/B787	CY		SGN
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN836/ 310	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	6:05PM	NRT	7:35AM	A321/B787	CY		HAN
VN812/ 300	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	6:20PM	NRT	8:00AM	A321/B787	CY		SGN

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN838/ 310	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	8:10PM	NRT	7:35AM	A321/B787	CY		HAN
VN834/ 310	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	8:45PM	NRT	7:35AM	A321/B787	CY		HAN
VN3822*/ 300	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	9:15PM	NRT	8:00AM	A320/B787	CY		SGN
* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air											
VN814/ 300	26-Mar	28-Oct	1234567	REP	9:35PM	NRT	8:00AM	A321/B787	CY		SGN
Tokyo ↔ Yangon											
Từ Tokyo đến Yangon											
VN311/ 957	26-Mar	28-Oct	1234567	NRT	10:00AM	RGN	6:10PM	B787/A321	CY		HAN
Từ Yangon đến Tokyo											
VN956/ 310	26-Mar	28-Oct	1234567	RGN	7:10PM	NRT	7:35AM	A321/B787	CY		HAN
Toyama ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Toyama											
VN384/3357*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	8:15AM	TOY	7:00PM	A350/B738	CY	8:45	HND
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											
Từ Toyama đến Hà Nội											
VN3356*/ 385	26-Mar	28-Oct	1234567	TOY	9:50AM	HAN	7:40PM	A321/A350	CY	11:50	HND
* Chuyến bay hợp tác với All Nippon Airways											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Philippines											
Manila ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Manila											
VN3944*	26-Mar	28-Oct	1_3__6_	SGN	1:30AM	MNL	5:30AM	A321	CY	03:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Philippine Airlines											
VN3940*	26-Mar	28-Oct	1234_6_	SGN	9:30AM	MNL	1:20PM	A321	CY	02:50	0
* Chuyến bay hợp tác với Philippine Airlines											
Từ Manila đến TP. Hồ Chí Minh											
VN3941*	26-Mar	28-Oct	1234_6_	MNL	6:50AM	SGN	8:30AM	A321	CY	02:40	HND
* Chuyến bay hợp tác với Philippine Airlines											
VN3945*	26-Mar	28-Oct	1_3_5__	MNL	10:30PM	SGN	12:30AM	A321	CY	03:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Philippine Airlines											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Singapore											
Singapore ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Singapore											
VN663	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	7:35AM	SIN	11:55AM	A321	CY	03:20	0
VN661	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	10:30AM	SIN	2:50PM	A321	CY	03:20	0
Từ Singapore đến Hà Nội											
VN662	26-Mar	28-Oct	1234567	SIN	1:05PM	HAN	3:25PM	A321	CY	03:20	0
VN660	26-Mar	28-Oct	1234567	SIN	3:50PM	HAN	6:10PM	A321	CY	03:20	0
Singapore ↔ Tp. Hồ Chí Minh											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Singapore											
VN4241*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	7:10AM	SIN	10:10AM	A320	Y	02:00	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN651	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	9:10AM	SIN	12:10PM	A321	CY	02:00	0
VN655	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	2:25PM	SIN	5:25PM	A321	CY	02:00	0
VN659	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	4:25PM	SIN	7:25PM	A321	CY	02:00	
Từ Singapore đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN4240*	26-Mar	28-Oct	1234567	SIN	11:00AM	SGN	12:05PM	A320	Y	02:05	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN650	26-Mar	28-Oct	1234567	SIN	1:10PM	SGN	2:20PM	A321	CY	02:10	0
VN654	26-Mar	28-Oct	1234567	SIN	6:25PM	SGN	7:35PM	A321	CY	02:10	0
VN658	26-Mar	28-Oct	1234567	SIN	8:25PM	SGN	9:35PM	A321	CY	02:10	0

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Thái Lan											
Bangkok ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Bangkok											
VN611	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	8:50AM	BKK	10:50AM	A321	CY	02:00	0
VN4261*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	11:40AM	BKK	1:30PM	A320	Y	01:50	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN615	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	12:45PM	BKK	2:45PM	A321	CY	02:00	0
VN613	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	4:05PM	BKK	6:05PM	A321	CY	02:00	0
Từ Bangkok đến Hà Nội											
VN610	26-Mar	28-Oct	1234567	BKK	11:55AM	HAN	1:55PM	A321	CY	02:00	0
VN4260*	26-Mar	28-Oct	1234567	BKK	2:20PM	HAN	4:15PM	A320	Y	01:55	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN614	26-Mar	28-Oct	1234567	BKK	3:55PM	HAN	5:55PM	A321	CY	02:00	0
VN612	26-Mar	28-Oct	1234567	BKK	7:05PM	HAN	9:05PM	A321	CY	02:00	0
Bangkok ↔ Tp. Hồ Chí Minh											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Bangkok											
VN601	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	8:45AM	BKK	10:20AM	A321	CY	01:35	0
VN605	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	11:35AM	BKK	1:10PM	A321	CY	01:35	0
VN4251*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	1:10PM	BKK	2:40PM	A320	Y	01:30	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN603	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	4:55PM	BKK	6:30PM	A321	CY	01:35	0
Từ Bangkok đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN600	26-Mar	28-Oct	1234567	BKK	11:20AM	SGN	1:00PM	A321	CY	01:40	0
VN604	26-Mar	28-Oct	1234567	BKK	2:25PM	SGN	4:05PM	A321	CY	01:40	0
VN4250*	26-Mar	28-Oct	1234567	BKK	3:25PM	SGN	5:05PM	A320	Y	01:40	0
* Chuyến bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines											
VN602	26-Mar	28-Oct	1234567	BKK	7:30PM	SGN	9:10PM	A321	CY	01:40	0

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng	
Trung Quốc												
Bắc Kinh ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến Bắc Kinh												
VN512	26-Mar	28-Oct	_23_567	HAN	10:10AM	PEK	2:45PM	B787	CY	03:35	0	
Từ Bắc Kinh đến Hà Nội												
VN513	26-Mar	28-Oct	_23_567	PEK	3:45PM	HAN	6:25PM	B787	CY	03:40	0	
Hàng Châu ↔ Đà Nẵng												
Từ Đà Nẵng đến Hàng Châu												
VN550	27-Mar	27-Oct	1__45_7	DAD	4:10PM	HGH	8:20PM	A321	CY	03:10	0	
Từ Hàng Châu đến Đà Nẵng												
VN551	27-Mar	27-Oct	1__45_7	HGH	9:15PM	DAD	11:35PM	A321	CY	03:20	0	
Quảng Châu ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến Quảng Châu												
VN3506*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	8:35AM	CAN	11:15AM	A319	CIY	01:40	0	
* Chuyển bay hợp tác với China Southern Airlines												
VN506	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	12:30PM	CAN	3:20PM	A321	CY	01:50	0	
Từ Quảng Châu đến Hà Nội												
VN4297*	27-Mar	29-Oct	12_4_6_	CAN	3:30AM	HAN	4:35AM	A321	Y	02:05	0	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines												
VN507	26-Mar	28-Oct	1234567	CAN	4:20PM	HAN	5:25PM	A321	CY	02:05	0	
VN3507*	26-Mar	28-Oct	1234567	CAN	9:55PM	HAN	11:15PM	A319	CIY	02:20	0	
* Chuyển bay hợp tác với China Southern Airlines												
Quảng Châu ↔ TP. Hồ Chí Minh												
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Quảng Châu												
VN3500*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	8:00AM	CAN	11:50AM	B738	CIY	02:50	0	
* Chuyển bay hợp tác với China Southern Airlines												
VN502	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	10:15AM	CAN	2:10PM	A321	CY	02:55	0	
VN3504*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	11:55AM	CAN	4:05PM	B738	CIY	03:10	0	
* Chuyển bay hợp tác với China Southern Airlines												
VN3502*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	3:40PM	CAN	7:40PM	A321	CIY	03:00	0	
* Chuyển bay hợp tác với China Southern Airlines												
VN4298*	26-Mar	28-Oct	_23_567	SGN	10:45PM	CAN	2:35AM	A320	Y	02:50	0	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines												
Từ Quảng Châu đến TP. Hồ Chí Minh												
VN4299*	27-Mar	29-Oct	1_34_67	CAN	3:35AM	SGN	5:20AM	A320	Y	02:45	0	
* Chuyển bay hợp tác với Jetstar Pacific Airlines												

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN3503*	26-Mar	28-Oct	1234567	CAN	9:05AM	SGN	11:00AM	A321	CIY	02:55	0

* Chuyến bay hợp tác với China Southern Airlines

VN503	26-Mar	28-Oct	1234567	CAN	3:15PM	SGN	5:10PM	A321	CY	02:55	0
VN3501*	26-Mar	28-Oct	1234567	CAN	8:00PM	SGN	9:50PM	B738	CIY	02:50	0

* Chuyến bay hợp tác với China Southern Airlines

Thành Đô ↔ Hà Nội

Từ Hà Nội đến Thành Đô

VN530/3534*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	10:15AM	CTU	11:55PM	A330/A320	CY	12:40	PVG
-------------	--------	--------	---------	-----	---------	-----	---------	-----------	----	-------	-----

* Chuyến bay hợp tác với China Southern Airlines

VN552	26-Mar	27-Oct	__3_5_7	HAN	12:00PM	CTU	3:15PM	A321	CY	02:15	0
-------	--------	--------	---------	-----	---------	-----	--------	------	----	-------	---

Từ Thành Đô đến Hà Nội

VN3535*/ 531	26-Mar	28-Oct	1234567	CTU	7:20AM	HAN	6:10PM	A320/A330	CY	11:50	PVG
--------------	--------	--------	---------	-----	--------	-----	--------	-----------	----	-------	-----

* Chuyến bay hợp tác với China Southern Airlines

VN553	26-Mar	27-Oct	__3_5_7	CTU	4:15PM	HAN	5:30PM	A321	CY	02:15	0
-------	--------	--------	---------	-----	--------	-----	--------	------	----	-------	---

Thành Đô ↔ TP. Hồ Chí Minh

Từ TP. Hồ Chí Minh đến Thành Đô

522/3534*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	7:40AM	CTU	11:55PM	A350/A320	CY	15:15	PVG
-----------	--------	--------	---------	-----	--------	-----	---------	-----------	----	-------	-----

* Chuyến bay hợp tác với China Southern Airlines

Từ Thành Đô đến TP. Hồ Chí Minh

VN3535*/ 523	26-Mar	28-Oct	1234567	CTU	7:20AM	SGN	6:30PM	A320/A350	CY	12:10	PVG
--------------	--------	--------	---------	-----	--------	-----	--------	-----------	----	-------	-----

* Chuyến bay hợp tác với China Southern Airlines

Thượng Hải ↔ Hà Nội

Từ Hà Nội đến Thượng Hải

VN530	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	10:15AM	PVG	2:25PM	A330	CY	03:10	0
-------	--------	--------	---------	-----	---------	-----	--------	------	----	-------	---

Từ Thượng Hải đến Hà Nội

VN531	26-Mar	28-Oct	1234567	PVG	3:50PM	HAN	6:10PM	A330	CY	03:20	0
-------	--------	--------	---------	-----	--------	-----	--------	------	----	-------	---

Thượng Hải ↔ TP. Hồ Chí Minh

Từ TP. Hồ Chí Minh đến Thượng Hải

VN3522*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	2:25AM	PVG	7:05AM	A320	CY	03:40	0
---------	--------	--------	---------	-----	--------	-----	--------	------	----	-------	---

* Chuyến bay hợp tác với China Southern Airlines

VN522	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	7:40AM	PVG	12:40PM	A350	CY	04:00	0
-------	--------	--------	---------	-----	--------	-----	---------	------	----	-------	---

Từ Thượng Hải đến TP. Hồ Chí Minh

VN523	26-Mar	28-Oct	1234567	PVG	3:10PM	SGN	6:30PM	A350	CY	04:20	0
-------	--------	--------	---------	-----	--------	-----	--------	------	----	-------	---

VN3523*	26-Mar	28-Oct	1234567	PVG	10:15PM	SGN	1:25AM	+1	A320	CY	04:10	0
---------	--------	--------	---------	-----	---------	-----	--------	----	------	----	-------	---

* Chuyến bay hợp tác với China Southern Airlines

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Trùng Khánh ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Trùng Khánh											
VN530/3541*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	10:15AM	CKG	11:50PM	A330/A320	CY	12:35	PVG
* Chuyến bay hợp tác với China Southern Airlines											
Từ Trùng Khánh đến Hà Nội											
VN3538*/ 531	26-Mar	28-Oct	1234567	CKG	7:30AM	HAN	6:10PM	A320/A330	CY	11:40	PVG
* Chuyến bay hợp tác với China Southern Airlines											
Trùng Khánh ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Trùng Khánh											
VN522/3541*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	7:40AM	CKG	11:50PM	A350/A320	CY	15:10	PVG
* Chuyến bay hợp tác với China Southern Airlines											
Từ Trùng Khánh đến TP. Hồ Chí Minh											
VN3538*/ 523	26-Mar	28-Oct	1234567	CKG	7:30AM	SGN	6:30PM	A320/A350	CY	11:00	PVG
* Chuyến bay hợp tác với China Southern Airlines											
Vũ Hán ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Vũ Hán											
VN530/3529*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	10:15AM	WUH	8:55PM	A330/B738	CY	9:40	PVG
* Chuyến bay hợp tác với China Southern Airlines											
Từ Vũ Hán đến Hà Nội											
VN3528*/ 531	26-Mar	28-Oct	1234567	WUH	8:05AM	HAN	6:10PM	B738/A330	CY	11:05	PVG
* Chuyến bay hợp tác với China Southern Airlines											
Vũ Hán ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Vũ Hán											
522/3529*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	7:40AM	WUH	8:55PM	A350/B738	CY	12:15	PVG
* Chuyến bay hợp tác với China Southern Airlines											
Từ Vũ Hán đến TP. Hồ Chí Minh											
VN3528*/ 523	26-Mar	28-Oct	1234567	WUH	8:05AM	SGN	6:30PM	B738/A350	CY	11:25	PVG
* Chuyến bay hợp tác với China Southern Airlines											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh			Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
CHÂU ÂU												
Anh												
London ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến London												
VN055	26-Mar	27-Oct	_2_45_7	HAN	1:10AM	LHR	7:40AM		B787	CIY	12:30	0
VN019/3644*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	11:45PM	LHR	10:30AM	+1	A350/A319	CIY	16:45	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Từ London đến Hà Nội												
VN3655*/ 018	01-Mar	28-Oct	1234567	LHR	6:20AM	HAN	6:20AM	+1	A319/A350	CIY	17:00	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
VN054	26-Mar	27-Oct	_2_45_7	LHR	11:10AM	HAN	4:50AM	+1	B787	CIY	11:40	0
London ↔ Luang Prabang												
Từ London đến Luang Prabang												
VN054/ 931	26-Mar	27-Oct	_2_45_7	LHR	11:10AM	LPQ	1:00PM	+1	B787/ATR72	CIY		HAN
VN054/2905*	26-Mar	27-Oct	_2_45_7	LHR	11:10AM	LPQ	7:50PM	+1	B787/ATR72	CIY		HAN
* Chuyển bay hợp tác với Lao Airlines												
Từ Luang Prabang đến London												
VN930/ 055	26-Mar	27-Oct	_2_45_7	LPQ	7:55PM	LHR	7:40AM		ATR72/B787	CIY		HAN
London ↔ Tp. Hồ Chí Minh												
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến London												
VN051	29-Mar	28-Oct	1_3__6_	SGN	12:35AM	LHR	7:40AM		B787	CIY	13:05	
VN011/3644*	26-Mar	28-Oct	_2_4_6_	SGN	10:45PM	LHR	10:30AM	+1	A350/A319	CIY	17:45	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Từ London đến Tp. Hồ Chí Minh												
VN3653*/ 010	26-Mar	28-Oct	__3_5_7	LHR	6:40AM	SGN	6:15AM	+1	A319/A350	CIY	17:35	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
050	27-Mar	28-Oct	1_3__6_	LHR	11:10AM	SGN	5:45AM	+1	B787	CIY	12:35	0
London ↔ Xiêm Riệp												
Từ London đến Xiêm Riệp												
VN050/ 813	27-Mar	28-Oct	1_3__6_	LHR	11:10AM	REP	5:30PM	+1	B787/A321	CIY		SGN
VN050/ 815	27-Mar	28-Oct	1_3__6_	LHR	11:10AM	REP	8:35PM	+1	B787/A321	CIY		SGN
VN050/3819*	27-Mar	28-Oct	1_3__6_	LHR	11:10AM	REP	9:40AM	+1	B787/ATR72	CIY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air												
VN050/3821*	27-Mar	28-Oct	1_3__6_	LHR	11:10AM	REP	5:05PM	+1	B787/A320	CIY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air												
VN050/3825*	27-Mar	28-Oct	1_3__6_	LHR	11:10AM	REP	1:05PM	+1	B787/A320	CIY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air												

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh			Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN054/ 835	26-Mar	27-Oct	_2_45_7	LHR	11:10AM	REP	7:50PM	+1	B787/A321	CIY		HAN
VN054/ 837	26-Mar	27-Oct	_2_45_7	LHR	11:10AM	REP	5:10PM	+1	B787/A321	CIY		HAN
VN054/ 839	26-Mar	27-Oct	_2_45_7	LHR	11:10AM	REP	7:10PM	+1	B787/A321	CIY		HAN
Từ Xiêm Riệp đến London												
VN3818*/ 051	29-Mar	28-Oct	1_3__6_	REP	10:10AM	LHR	7:40AM		ATR72/B787	CIY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air												
VN3824*/ 051	29-Mar	28-Oct	1_3__6_	REP	1:50PM	LHR	7:40AM		A320/B787	CIY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air												
VN836/ 055	26-Mar	27-Oct	_2_45_7	REP	6:05PM	LHR	7:40AM		A321/B787	CIY		HAN
VN812/ 051	29-Mar	28-Oct	1_3__6_	REP	6:20PM	LHR	7:40AM		A321/B787	CIY		SGN
VN838/ 055	26-Mar	27-Oct	_2_45_7	REP	8:10PM	LHR	7:40AM		A321/B787	CIY		HAN
VN834/ 055	26-Mar	27-Oct	_2_45_7	REP	8:45PM	LHR	7:40AM		A321/B787	CIY		HAN
VN3822*/ 051	29-Mar	28-Oct	1_3__6_	REP	9:15PM	LHR	7:40AM		A320/B787	CIY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air												
VN814/ 051	29-Mar	28-Oct	1_3__6_	REP	9:35PM	LHR	7:40AM		A321/B787	CIY		SGN
London ↔ Yangon												
Từ London đến Yangon												
VN054/ 957	26-Mar	27-Oct	_2_45_7	LHR	11:10AM	RGN	6:10PM	+1	B787/A321	CIY		HAN
Từ Yangon đến London												
VN956/ 055	26-Mar	27-Oct	_2_45_7	RGN	7:10PM	LHR	7:40AM		A321/B787	CIY		HAN

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Áo								
Vienna ↔ Hà Nội								
Từ Vienna đến Hà Nội								
VN3661*/ 018	26-Mar 28-Oct	1234567	VIE	10:05AM	HAN	6:20AM +1	A320/A350	CIY 15:15 CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France								

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay		Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Cộng hòa Séc												
Prague ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến Prague												
VN037/3032*	27-Mar	28-Oct	1__4567	HAN	11:25PM	PRG	10:40AM	+1	B787/A319	CIY	16:15	FRA
* Chuyển bay hợp tác với Czech Airlines												
Từ Prague đến Hà Nội												
VN3033*/ 036	27-Mar	28-Oct	12_4567	PRG	7:25AM	HAN	5:50AM	+1	A319/B787	CIY	17:25	FRA
* Chuyển bay hợp tác với Czech Airlines												
Prague ↔ Tp. Hồ Chí Minh												
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Prague												
VN031/3032*	27-Mar	28-Oct	_23_5_7	SGN	11:25PM	PRG	10:40AM	+1	B787/A319	CIY	16:15	FRA
* Chuyển bay hợp tác với Czech Airlines												
Từ Prague đến Tp. Hồ Chí Minh												
VN3033*/ 030	27-Mar	28-Oct	1_34_6_	PRG	7:25AM	SGN	7:10AM	+1	A319/B787	CIY	18:45	FRA
* Chuyển bay hợp tác với Czech Airlines												

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay		Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Đan Mạch												
Copenhagen ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến Copenhagen												
VN019/3184*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	11:45PM	CPH	11:20AM	+1	A350/E90	CIY	16:35	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Từ Copenhagen đến Hà Nội												
VN3169*/ 018	26-Mar	28-Oct	1234567	CPH	6:30AM	HAN	6:20AM	+1	A318/A350	CIY	18:50	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Copenhagen ↔ Tp. Hồ Chí Minh												
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Copenhagen												
VN011/3184*	26-Mar	28-Oct	_2_4_6_	SGN	10:45PM	CPH	11:20AM	+1	A350/E90	CIY	17:35	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Từ Copenhagen đến Tp. Hồ Chí Minh												
VN3169*/ 010	26-Mar	28-Oct	__3_5_7	CPH	6:30AM	SGN	6:15AM	+1	A318/A350	CIY	18:45	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh			Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Đức												
Frankfurt ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến Frankfurt												
VN037	25-Mar	27-Oct	1__4567	HAN	11:25PM	FRA	6:00AM	+1	B787	CIY	11:35	0
VN019/3132*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	11:45PM	FRA	11:25AM	+1	A350/E90	CIY	16:40	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Từ Frankfurt đến Hà Nội												
VN3131*/ 018	26-Mar	28-Oct	1234567	FRA	7:25AM	HAN	6:20AM	+1	E90/A350	CIY	17:55	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
VN036	26-Mar	28-Oct	12_4567	FRA	1:55PM	HAN	5:50AM	+1	B787	CIY	10:55	0
Frankfurt ↔ Luang Prabang												
Từ Frankfurt đến Luang Prabang												
VN036/ 931	26-Mar	28-Oct	12_4567	FRA	1:55PM	LPQ	1:00PM	+1	B787/ATR72	CIY		HAN
VN036/2905*	26-Mar	28-Oct	12_4567	FRA	1:55PM	LPQ	7:50PM	+1	B787/ATR72	CIY		HAN
* Chuyển bay hợp tác với Lao Airlines												
Từ Luang Prabang đến Frankfurt												
VN930/ 037	25-Mar	27-Oct	1__4567	LPQ	7:55PM	FRA	6:00AM	+1	ATR72/B787	CIY		HAN
Frankfurt ↔ TP. Hồ Chí Minh												
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Frankfurt												
VN011/3132*	26-Mar	28-Oct	_2_4_6_	SGN	10:45PM	FRA	11:25AM	+1	A350/E90	CIY	17:40	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
VN031	26-Mar	27-Oct	_23_5_7	SGN	11:25PM	FRA	6:30AM	+1	B787	CIY	12:05	0
Từ Frankfurt đến TP. Hồ Chí Minh												
VN3131*/ 010	26-Mar	28-Oct	__3_5_7	FRA	7:25AM	SGN	6:15AM	+1	E90/A350	CIY	17:50	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
VN030	27-Mar	28-Oct	1_34_6_	FRA	2:35PM	SGN	7:10AM	+1	B787	CIY	11:35	0
Frankfurt ↔ Xiêm Riệp												
Từ Frankfurt đến Xiêm Riệp												
VN036/ 835	26-Mar	28-Oct	12_4567	FRA	1:55PM	REP	7:50PM	+1	B787/A321	CIY		HAN
VN036/ 837	26-Mar	28-Oct	12_4567	FRA	1:55PM	REP	5:10PM	+1	B787/A321	CIY		HAN
VN036/ 839	26-Mar	28-Oct	12_4567	FRA	1:55PM	REP	7:10PM	+1	B787/A321	CIY		HAN
VN030/ 813	27-Mar	28-Oct	1_34_6_	FRA	2:35PM	REP	5:30PM	+1	B787/A321	CIY		SGN
VN030/ 815	27-Mar	28-Oct	1_34_6_	FRA	2:35PM	REP	8:35PM	+1	B787/A321	CIY		SGN
VN030/3819*	27-Mar	28-Oct	1_34_6_	FRA	2:35PM	REP	9:40AM	+1	B787/ATR72	CIY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air												
VN030/3821*	27-Mar	28-Oct	1_34_6_	FRA	2:35PM	REP	5:05PM	+1	B787/A320	CIY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air												

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
VN030/3825*	27-Mar	28-Oct	1_34_6_	FRA	2:35PM	REP	1:05PM	+1	B787/A320	CIY	SGN

* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air

Từ Xiêm Riệp đến Frankfurt

VN3818*/ 031	26-Mar	27-Oct	_23_5_7	REP	10:10AM	FRA	6:30AM	+1	ATR72/B787	CIY	SGN
--------------	--------	--------	---------	-----	---------	-----	--------	----	------------	-----	-----

* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air

VN3824*/ 031	26-Mar	27-Oct	_23_5_7	REP	1:50PM	FRA	6:30AM	+1	A320/B787	CIY	SGN
--------------	--------	--------	---------	-----	--------	-----	--------	----	-----------	-----	-----

* Chuyến bay hợp tác với Cambodia Angkor Air

VN836/ 037	25-Mar	27-Oct	1__4567	REP	6:05PM	FRA	6:00AM	+1	A321/B787	CIY	HAN
------------	--------	--------	---------	-----	--------	-----	--------	----	-----------	-----	-----

VN812/ 031	26-Mar	27-Oct	_23_5_7	REP	6:20PM	FRA	6:30AM	+1	A321/B787	CIY	SGN
------------	--------	--------	---------	-----	--------	-----	--------	----	-----------	-----	-----

VN838/ 037	25-Mar	27-Oct	1__4567	REP	8:10PM	FRA	6:00AM	+1	A321/B787	CIY	HAN
------------	--------	--------	---------	-----	--------	-----	--------	----	-----------	-----	-----

Frankfurt ↔ Yangon

Từ Frankfurt đến Yangon

VN036/ 957	26-Mar	28-Oct	12_4567	FRA	1:55PM	RGN	6:10PM	+1	B787/A321	CIY	HAN
------------	--------	--------	---------	-----	--------	-----	--------	----	-----------	-----	-----

Từ Yangon đến Frankfurt

VN956/ 037	25-Mar	27-Oct	1__4567	RGN	7:10PM	FRA	6:00AM	+1	A321/B787	CIY	HAN
------------	--------	--------	---------	-----	--------	-----	--------	----	-----------	-----	-----

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay		Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Hà Lan												
Amsterdam ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến Amsterdam												
VN019/3152*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	11:45PM	AMS	10:00AM	+1	A350/B737	CIY	15:15	CDG
* Chuyển bay hợp tác với KLM Royal Dutch Airlines												
Từ Amsterdam đến Hà Nội												
VN3164*/ 036	26-Mar	28-Oct	12_4567	AMS	9:50AM	HAN	5:50AM	+1	E90/B787	CIY	15:00	FRA
* Chuyển bay hợp tác với KLM Royal Dutch Airlines												
Amsterdam ↔ Tp. Hồ Chí Minh												
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Amsterdam												
VN011/3152*	26-Mar	28-Oct	_2_4_6_	SGN	10:45PM	AMS	10:00AM	+1	A350/B737	CIY	16:15	CDG
* Chuyển bay hợp tác với KLM Royal Dutch Airlines												
Từ Amsterdam đến Tp. Hồ Chí Minh												
VN3164*/ 030	26-Mar	28-Oct	1_34_6_	AMS	9:50AM	SGN	7:10AM	+1	E90/B787	CIY	16:20	FRA
* Chuyển bay hợp tác với KLM Royal Dutch Airlines												

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay		Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Na Uy												
Oslo ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến Oslo												
VN019/3184*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	11:45PM	OSL	11:20AM	+1	A350/E90	CIY	16:35	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Từ Oslo đến Hà Nội												
VN3149*/ 018	26-Mar	28-Oct	1234567	OSL	6:35AM	HAN	6:20AM	+1	E90/A350	CIY	18:45	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Oslo ↔ Tp. Hồ Chí Minh												
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Oslo												
VN011/3184*	26-Mar	28-Oct	_2_4_6_	SGN	10:45PM	OSL	11:20AM	+1	A350/E90	CIY	17:35	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Từ Oslo đến Tp. Hồ Chí Minh												
VN3149*/ 010	26-Mar	28-Oct	__3_5_7	OSL	6:35AM	SGN	6:15AM	+1	E90/A350	CIY	18:40	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng	
Nga												
Moscow ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến Moscow												
VN065	28-Mar	28-Oct	_2_4_6_	HAN	11:25AM	DME	5:00PM	A330	CY	09:35	0	
Từ Moscow đến Hà Nội												
VN064	28-Mar	28-Oct	_2_4_6_	DME	7:00PM	HAN	8:20AM	+1	A330	CY	09:20	0

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng			
Phần Lan											
Helsinki ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Helsinki											
VN055/3688*	26-Mar	28-Oct	_2_45_7	HAN	1:10AM	HEL	3:15PM	B787/A359	CIY	18:05	LHR
* Chuyển bay hợp tác với Finnair											
Từ Helsinki đến Hà Nội											
VN3693*/ 054	26-Mar	28-Oct	_2_45_7	HEL	8:00AM	HAN	4:50AM +1	A359/B787	CIY	16:50	LHR
* Chuyển bay hợp tác với Finnair											
Helsinki ↔ TP. Hồ Chí Minh											
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Helsinki											
VN051/3688*	26-Mar	28-Oct	1_3__6_	SGN	12:35AM	HEL	3:15PM	B787/A359	CIY	18:40	LHR
* Chuyển bay hợp tác với Finnair											
Từ Helsinki đến TP. Hồ Chí Minh											
VN3693*/ 050	26-Mar	28-Oct	1_3__6_	HEL	8:00AM	SGN	5:45AM +1	A359/B787	CIY	17:45	LHR
* Chuyển bay hợp tác với Finnair											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay		Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Pháp												
Lyon ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến Lyon												
VN019/3123*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	11:45PM	LYS	11:30AM	+1	A350/A318	CIY	16:45	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Air France												
Từ Lyon đến Hà Nội												
VN3120*/ 018	26-Mar	28-Oct	1234567	LYS	6:25AM	HAN	6:20AM	+1	A320/A350	CIY	18:55	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Air France												
Lyon ↔ Tp. Hồ Chí Minh												
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Lyon												
VN011/3123*	26-Mar	28-Oct	_2_4_6_	SGN	10:45PM	LYS	11:30AM	+1	A350/A318	CIY	17:45	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Air France												
Từ Lyon đến Tp. Hồ Chí Minh												
VN3120*/ 010	26-Mar	28-Oct	__3_5_7	LYS	6:25AM	SGN	6:15AM	+1	A320/A350	CIY	18:50	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Air France												
Marseille ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến Marseille												
VN019/3117*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	11:45PM	MRS	11:15AM	+1	A350/A320	CIY	16:30	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Air France												
Từ Marseille đến Hà Nội												
VN3116*/ 018	26-Mar	28-Oct	1234567	MRS	9:35AM	HAN	6:20AM	+1	A319/A350	CIY	15:45	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Air France												
Marseille ↔ Tp. Hồ Chí Minh												
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Marseille												
VN011/3117*	26-Mar	28-Oct	_2_4_6_	SGN	10:45PM	MRS	11:15AM	+1	A350/A320	CIY	17:30	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Air France												
Từ Marseille đến Tp. Hồ Chí Minh												
VN3116*/ 010	26-Mar	28-Oct	__3_5_7	MRS	9:35AM	SGN	6:15AM	+1	A319/A350	CIY	15:40	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Air France												
Montpellier ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến Montpellier												
VN019/3127*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	11:45PM	MPL	2:05PM	+1	A350/A318	CIY	19:20	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Air France												
Từ Montpellier đến Hà Nội												
VN3126*/ 018	26-Mar	28-Oct	1234567	MPL	6:20AM	HAN	6:20AM	+1	A319/A350	CIY	18:00	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Air France												

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh			Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Montpellier ↔ Tp. Hồ Chí Minh												
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Montpellier												
VN011/3127*	26-Mar	28-Oct	_2_4_6_	SGN	10:45PM	MPL	2:05PM	+1	A350/A318	CIY	20:20	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Air France												
Từ Montpellier đến Tp. Hồ Chí Minh												
VN3126*/ 010	26-Mar	28-Oct	__3_5_7	MPL	6:20AM	SGN	6:15AM	+1	A319/A350	CIY	18:55	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Air France												
Nice ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến Nice												
VN019/3600*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	11:45PM	NCE	11:25AM	+1	A350/A321	CIY	16:40	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Air France												
Từ Nice đến Hà Nội												
VN3605*/ 018	26-Mar	28-Oct	1234567	NCE	9:30AM	HAN	6:20AM	+1	A318/A350	CIY	15:50	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Air France												
Nice ↔ Tp. Hồ Chí Minh												
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Nice												
VN011/3600*	26-Mar	28-Oct	_2_4_6_	SGN	10:45PM	NCE	11:25AM	+1	A350/A321	CIY	17:40	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Air France												
Từ Nice đến Tp. Hồ Chí Minh												
VN3605*/ 010	26-Mar	28-Oct	__3_5_7	NCE	9:30AM	SGN	6:15AM	+1	A318/A350	CIY	15:45	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Air France												
Paris ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến Paris												
VN019	25-Mar	27-Oct	1234567	HAN	11:45PM	CDG	7:00AM	+1	A350	CIY	12:15	0
Từ Paris đến Hà Nội												
VN3132*/ 036	26-Mar	28-Oct	12_4567	CDG	10:00AM	HAN	5:50AM	+1	E90/B787	CIY	14:50	FRA
* Chuyến bay hợp tác với Air France												
VN018	26-Mar	28-Oct	1234567	CDG	2:00PM	HAN	6:20AM	+1	A350	CIY	11:20	0
Paris ↔ Luang Prabang												
Từ Paris đến Luang Prabang												
VN018/ 931	26-Mar	28-Oct	1234567	CDG	2:00PM	LPQ	1:00PM	+1	A350/ATR72	CIY		HAN
VN018/2905*	26-Mar	28-Oct	1234567	CDG	2:00PM	LPQ	7:50PM	+1	A350/ATR72	CIY		HAN
* Chuyến bay hợp tác với Lao Airlines												
Từ Luang Prabang đến Paris												
VN930/ 019	25-Mar	27-Oct	1234567	LPQ	7:55PM	CDG	7:00AM	+1	ATR72/A350	CIY		HAN

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh			Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Paris ↔ TP. Hồ Chí Minh												
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Paris												
VN2107*	26-Mar	28-Oct	__3_5_7	SGN	8:30AM	CDG	4:45PM		B777	CY	13:15	FRA
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
VN011	25-Mar	26-Oct	_2_4_6_	SGN	10:45PM	CDG	6:30AM	+1	A350	CIY	12:45	0
Từ Paris đến TP. Hồ Chí Minh												
3132*/ 030	26-Mar	28-Oct	1_34_6_	CDG	10:00AM	SGN	7:10AM	+1	E90/B787	CIY	16:10	FRA
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
010	26-Mar	27-Oct	__3_5_7	CDG	1:10PM	SGN	6:15AM	+1	A350	CIY	12:05	0
2106*	26-Mar	28-Oct	_2_4_6_	CDG	1:10PM	SGN	6:20AM	+1	B777	CY	12:10	0
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Paris ↔ Xiêm Riệp												
Từ Paris đến Xiêm Riệp												
VN010/ 813	26-Mar	27-Oct	__3_5_7	CDG	1:10PM	REP	5:30PM	+1	A350/A321	CIY		SGN
VN010/ 815	26-Mar	27-Oct	__3_5_7	CDG	1:10PM	REP	8:35PM	+1	A350/A321	CIY		SGN
VN010/3819*	26-Mar	27-Oct	__3_5_7	CDG	1:10PM	REP	9:40AM	+1	A350/ATR72	CIY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air												
VN010/3821*	26-Mar	27-Oct	__3_5_7	CDG	1:10PM	REP	5:05PM	+1	A350/A320	CIY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air												
VN010/3825*	26-Mar	27-Oct	__3_5_7	CDG	1:10PM	REP	1:05PM	+1	A350/A320	CIY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air												
VN018/ 835	26-Mar	28-Oct	1234567	CDG	2:00PM	REP	7:50PM	+1	A350/A321	CIY		HAN
VN018/ 837	26-Mar	28-Oct	1234567	CDG	2:00PM	REP	5:10PM	+1	A350/A321	CIY		HAN
VN018/ 839	26-Mar	28-Oct	1234567	CDG	2:00PM	REP	7:10PM	+1	A350/A321	CIY		HAN
Từ Xiêm Riệp đến Paris												
VN3818*/ 011	25-Mar	26-Oct	_2_4_6_	REP	10:10AM	CDG	6:30AM	+1	ATR72/A350	CIY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air												
VN3824*/ 011	25-Mar	26-Oct	_2_4_6_	REP	1:50PM	CDG	6:30AM	+1	A320/A350	CIY		SGN
* Chuyển bay hợp tác với Cambodia Angkor Air												
VN836/ 019	25-Mar	27-Oct	1234567	REP	6:05PM	CDG	7:00AM	+1	A321/A350	CIY		HAN
VN812/ 011	25-Mar	26-Oct	_2_4_6_	REP	6:20PM	CDG	6:30AM	+1	A321/A350	CIY		SGN
VN838/ 019	25-Mar	27-Oct	1234567	REP	8:10PM	CDG	7:00AM	+1	A321/A350	CIY		HAN
VN834/ 019	25-Mar	27-Oct	1234567	REP	8:45PM	CDG	7:00AM	+1	A321/A350	CIY		HAN
Paris ↔ Yangon												
Từ Paris đến Yangon												
VN018/ 957	26-Mar	28-Oct	1234567	CDG	2:00PM	RGN	6:10PM	+1	A350/A321	CIY		HAN
Từ Yangon đến Paris												
VN956/ 019	25-Mar	27-Oct	1234567	RGN	7:10PM	CDG	7:00AM	+1	A321/A350	CIY		HAN

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh			Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Toulouse ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến Toulouse												
VN019/3113*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	11:45PM	TLS	11:05AM	+1	A350/A320	CIY	16:20	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Từ Toulouse đến Hà Nội												
VN3114*/ 018	26-Mar	28-Oct	1234567	TLS	9:55AM	HAN	6:20AM	+1	A320/A350	CIY	15:25	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Toulouse ↔ TP. Hồ Chí Minh												
Từ TP. Hồ Chí Minh đến Toulouse												
VN011/3113*	26-Mar	28-Oct	_2_4_6_	SGN	10:45PM	TLS	11:05AM	+1	A350/A320	CIY	17:20	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Từ Toulouse đến TP. Hồ Chí Minh												
VN3114*/ 010	26-Mar	28-Oct	__3_5_7	TLS	9:55AM	SGN	6:15AM	+1	A320/A350	CIY	15:20	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay		Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Tây Ban Nha												
Barcelona ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến Barcelona												
VN019/3672*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	11:45PM	BCN	11:30AM	+1	A350/A320	CIY	16:45	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Từ Barcelona đến Hà Nội												
VN3679*/ 018	26-Mar	28-Oct	1234567	BCN	6:15AM	HAN	6:20AM	+1	A321/A350	CIY	19:05	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Barcelona ↔ Tp. Hồ Chí Minh												
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Barcelona												
VN011/3672*	26-Mar	28-Oct	_2_4_6_	SGN	10:45PM	BCN	11:30AM	+1	A350/A320	CIY	17:45	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Từ Barcelona đến Tp. Hồ Chí Minh												
VN3679*/ 010	26-Mar	28-Oct	__3_5_7	BCN	6:15AM	SGN	6:15AM	+1	A321/A350	CIY	18:00	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Madrid ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến Madrid												
VN019/3136*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	11:45PM	MAD	11:10AM	+1	A350/A320	CIY	16:25	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Từ Madrid đến Hà Nội												
VN3166*/ 036	26-Mar	25-Mar	12_4567	MAD	7:05AM	HAN	5:50AM	+1	B738/B787	CIY	17:45	FRA
* Chuyển bay hợp tác với Air Europa												
Madrid ↔ Tp. Hồ Chí Minh												
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Madrid												
VN011/3136*	26-Mar	28-Oct	_2_4_6_	SGN	10:45PM	MAD	11:10AM	+1	A350/A320	CIY	17:25	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Từ Madrid đến Tp. Hồ Chí Minh												
VN3137*/ 010	26-Mar	28-Oct	__3_5_7	MAD	6:30AM	SGN	6:15AM	+1	A321/A350	CIY	18:45	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng	
Thụy sĩ												
Geneva ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến Geneva												
VN019/3140*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	11:45PM	GVA	11:10AM	+1	A350/A318	CIY	16:25	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Từ Geneva đến Hà Nội												
VN3143*/ 018	26-Mar	28-Oct	1234567	GVA	9:05AM	HAN	6:20AM	+1	A318/A350	CIY	16:15	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Geneva ↔ Tp. Hồ Chí Minh												
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Geneva												
VN011/3140*	26-Mar	28-Oct	_2_4_6_	SGN	10:45PM	GVA	11:10AM	+1	A350/A318	CIY	17:25	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Từ Geneva đến Tp. Hồ Chí Minh												
VN3143*/ 010	26-Mar	28-Oct	__3_5_7	GVA	9:05AM	SGN	6:15AM	+1	A318/A350	CIY	16:10	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Zurich ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến Zurich												
VN019/3108*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	11:45PM	ZRH	2:10PM	+1	A350/A318	CIY	19:25	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Từ Zurich đến Hà Nội												
VN3109*/ 018	26-Mar	28-Oct	1234567	ZRH	7:40AM	HAN	6:20AM	+1	A318/A350	CIY	17:40	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Zurich ↔ Tp. Hồ Chí Minh												
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Zurich												
VN011/3108*	26-Mar	28-Oct	_2_4_6_	SGN	10:45PM	ZRH	2:10PM	+1	A350/A318	CIY	20:25	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												
Từ Zurich đến Tp. Hồ Chí Minh												
VN3109*/ 010	26-Mar	28-Oct	__3_5_7	ZRH	7:40AM	SGN	6:15AM	+1	A318/A350	CIY	17:35	CDG
* Chuyển bay hợp tác với Air France												

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực	Tần suất	Giờ cất cánh	Giờ hạ cánh	Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng				
Ý												
Rome ↔ Hà Nội												
Từ Hà Nội đến Rome												
VN019/3159*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	11:45PM	FCO	1:05PM	+1	A350/A321	CIY	18:20	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Alitalia Societa Aerea Italiana												
Từ Rome đến Hà Nội												
VN3158*/ 018	26-Mar	28-Oct	1234567	FCO	10:00AM	HAN	6:20AM	+1	A319/A350	CIY	15:20	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Alitalia Societa Aerea Italiana												
Rome ↔ Tp. Hồ Chí Minh												
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Rome												
VN011/3159*	26-Mar	28-Oct	_2_4_6_	SGN	10:45PM	FCO	1:05PM	+1	A350/A321	CIY	19:20	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Alitalia Societa Aerea Italiana												
VN031/3161*	26-Mar	28-Oct	_23_5_7	SGN	11:25PM	FCO	1:45PM	+1	B787/A319	CIY	19:20	FRA
* Chuyến bay hợp tác với Alitalia Societa Aerea Italiana												
Từ Rome đến Tp. Hồ Chí Minh												
VN3156*/ 010	26-Mar	28-Oct	__3_5_7	FCO	8:00AM	SGN	6:15AM	+1	A321/A350	CIY	17:15	CDG
* Chuyến bay hợp tác với Alitalia Societa Aerea Italiana												

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
CHÂU MỸ											
Canada											
Vancouver ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Vancouver											
VN578/2034*	26-Mar	27-Oct	1234567	HAN	5:20PM	YVR	6:45PM	A321/A359	CY	15:25	TPE
* Chuyến bay hợp tác với China Airlines											
Từ Vancouver đến Hà Nội											
VN2035*/ 579	27-Mar	28-Oct	1234567	YVR	2:00AM	HAN	9:30AM	A359/A321	CY	17:30	TPE
* Chuyến bay hợp tác với China Airlines											
Vancouver ↔ Tp. Hồ Chí Minh											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Vancouver											
VN570/2034*	26-Mar	27-Oct	1234567	SGN	4:25PM	YVR	6:45PM	A321/A359	CY	16:20	TPE
* Chuyến bay hợp tác với China Airlines											
Từ Vancouver đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN2035*/ 571	27-Mar	28-Oct	1234567	YVR	2:00AM	SGN	10:20AM	A359/A321	CY	18:20	TPE
* Chuyến bay hợp tác với China Airlines											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Mỹ											
Los Angeles ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Los Angeles											
VN578/2032*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	5:20PM	LAX	8:50PM	A321/B77W	CY	17:30	TPE
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines											
Từ Los Angeles đến Hà Nội											
VN2033*/ 577	26-Mar	28-Oct	_23_56_	LAX	1:05AM	HAN	3:30PM	B77W/A321	CY	24:25	TPE
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines											
Los Angeles ↔ Tp. Hồ Chí Minh											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Los Angeles											
VN570/2032*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	4:25PM	LAX	8:50PM	A321/B77W	CY	18:25	TPE
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines											
Từ Los Angeles đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN2033*/ 571	26-Mar	28-Oct	1234567	LAX	1:05AM	SGN	10:20AM	B77W/A321	CY	19:15	TPE
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines											
San Francisco ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến San Francisco											
VN578/2030*	26-Mar	28-Oct	1234567	HAN	5:20PM	SFO	8:00PM	A321/A359	CY	16:40	TPE
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines											
Từ San Francisco đến Hà Nội											
VN2031*/ 577	26-Mar	28-Oct	_23_56_	SFO	1:40AM	HAN	3:30PM	A359/A321	CY	23:50	TPE
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines											
San Francisco ↔ Hồ Chí Minh											
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến San Francisco											
VN570/2030*	26-Mar	28-Oct	1234567	SGN	4:25PM	SFO	8:00PM	A321/A359	CY	17:35	TPE
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines											
Từ San Francisco đến Tp. Hồ Chí Minh											
VN2031*/ 571	26-Mar	28-Oct	1234567	SFO	1:40AM	SGN	10:20AM	A359/A321	CY	18:40	TPE
* Chuyển bay hợp tác với China Airlines											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh		Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng
Châu Phi											
Kenya											
Nairobi ↔ Hà Nội											
Từ Hà Nội đến Nairobi											
VN3187*	26-Mar	28-Oct	__3_5_7	HAN	12:10AM	NBO	6:00AM	B788	CY	09:50	0
* Chuyến bay hợp tác với Kenya Airways											
Từ Nairobi đến Hà Nội											
VN3186*	26-Mar	28-Oct	1_3_5__	NBO	11:10PM	HAN	12:45PM	+1	B788	CY	09:35
* Chuyến bay hợp tác với Kenya Airways											
VN3200*/ 614	26-Mar	28-Oct	1234567	NBO	11:59PM	HAN	5:55PM	B788/A321	CY	13:56	BKK
* Chuyến bay hợp tác với Kenya Airways											
VN3202*/ 614	26-Mar	28-Oct	1234567	NBO	11:59PM	HAN	5:55PM	B788/A321	CY	13:56	BKK
* Chuyến bay hợp tác với Kenya Airways											
TP. Hồ Chí Minh ↔ Nairobi											
Từ Nairobi đến TP. Hồ Chí Minh											
VN3200*/ 602	26-Mar	28-Oct	1234567	NBO	11:59PM	SGN	9:10PM	B788/A321	CY	17:11	BKK
* Chuyến bay hợp tác với Kenya Airways											
VN3202*/ 602	26-Mar	28-Oct	1234567	NBO	11:59PM	SGN	9:10PM	B788/A321	CY	17:11	BKK
* Chuyến bay hợp tác với Kenya Airways											

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Số hiệu chuyến bay	Giai đoạn hiệu lực		Tần suất	Giờ cất cánh		Giờ hạ cánh			Loại máy bay	Hạng ghế	Thời gian bay	Điểm dừng	
ÚC													
Melbourne ↔ Tp. Hồ Chí Minh													
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Melbourne													
VN781	25-Mar	27-Oct	1234567	SGN	9:30PM	MEL	8:35AM	+1	B787	CIY	08:05	0	
Từ Melbourne đến Tp. Hồ Chí Minh													
VN780	26-Mar	28-Oct	1234567	MEL	10:35AM	SGN	3:45PM		B787	CIY	08:10	0	
Sydney ↔ Hà Nội													
Từ Hà Nội đến Sydney													
VN787	28-Mar	27-Oct	_2__5_7	HAN	11:55PM	SYD	12:15PM	+1	B787	CIY	09:20	0	
Từ Sydney đến Hà Nội													
VN786	29-Mar	28-Oct	1_3__6_	SYD	2:15PM	HAN	8:50PM		B787	CIY	09:35	0	
Sydney ↔ Tp. Hồ Chí Minh													
Từ Tp. Hồ Chí Minh đến Sydney													
VN773	25-Mar	27-Oct	1234567	SGN	9:00PM	SYD	8:15AM	+1	B787	CIY	08:15	0	
Từ Sydney đến Tp. Hồ Chí Minh													
VN772	26-Mar	28-Oct	1234567	SYD	10:15AM	SGN	3:35PM		B787	CIY	08:20	0	

Tần suất: 1-Thứ hai | 2-Thứ ba | 3-Thứ tư | 4-Thứ năm | 5-Thứ sáu | 6-Thứ bảy | 7-Chủ nhật

C-Ghế hạng thương gia; I - Ghế hạng phổ thông đặc biệt; Y - Ghế hạng phổ thông

Các thông tin về lịch bay có thể thay đổi

Giai đoạn hiệu lực

Từ 26/3/2017 đến 28/10/2017



Vietnam Airlines
SẮI CẢNH VƯỜN CAO

